

Những đóng góp của các công ty du lịch vào du lịch bền vững trong khu bảo tồn

Du lịch ở những khu được bảo tồn: Bạn hay Thù?

Hoạt động du lịch trong và xung quanh khu bảo tồn có thể có những tác động tích cực và tiêu cực lên dân cư địa phương và môi trường.

Du lịch có thể làm lợi cho một Vườn quốc gia hay những khu được bảo vệ khác bằng cách phục vụ cơ chế tài chính với những doanh thu trực tiếp từ phí người sử dụng và các loại thuế được dùng cho việc bảo vệ nguồn lợi sinh học và duy trì những khu vực tự nhiên. Những lợi ích không thấy được có thể bao gồm việc gia tăng nhận thức về/và hỗ trợ cho mục tiêu và vai trò của khu bảo tồn, của cả dân cư địa phương và khách du lịch. Nếu như du lịch quan trọng đối với kinh tế địa phương và quốc gia, nó có thể khuyến khích chính quyền các cấp quản lý và duy trì khu bảo tồn có hiệu quả hơn, đem lại lợi ích cho du khách, cộng đồng địa phương và cả môi trường.

Những tác động tiêu cực đến môi trường bao gồm sự nhiễm bẩn nước và đất do xây dựng và việc thải chất thải rắn và nước thải không đúng cách, ô nhiễm không khí do vận chuyển, phá hủy nơi ở

của đời sống hoang dã, và sự suy thoái của đất.

Du lịch cũng có thể dẫn đến việc loại trừ dân cư địa phương ra khỏi một số khu vực nhất định, đặc biệt là trong những khu vực được bảo vệ để bảo tồn thiên nhiên hoang dã. Mặc dù, trong hầu hết các trường hợp, sự thiết kế các khu bảo tồn thường kéo theo sự phát triển của du lịch, loại trừ dân địa phương ra khỏi những khu vực này, luôn luôn xuất hiện sau khi du lịch đã được xác định và mang lại lợi nhuận, và vì vậy, sẽ quan trọng về kinh tế đối với chính quyền và chủ đất hơn là những hoạt động truyền thống.

Hợp tác thì thành công

Việc vượt qua những thách thức của du lịch ở những khu bảo tồn đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên có liên quan, bao gồm những người điều hành trong và ngoài đường biên khu bảo tồn, cũng như những người có thể xúc tiến việc quản lý hiệu quả khu bảo tồn bằng việc đảm bảo rằng những biện pháp quản lý và kế hoạch là phù hợp. Mặc dù mục tiêu của những thành phần tham gia có thể khác nhau, những hoạt động du lịch chỉ có thể bền vững nếu được thực hiện với sự hiểu biết chung và trên quan điểm để phát

Tour Operators' Initiative Secretariat

C/o United Nations Environment Programme – Division of Technology, Industry and Economics

Tour Mirabeau, 39-43 André Citroën, 75739 Paris – Cedex 15, France

Tel: +33-1-44371450 – Fax: +33-1-44371474

Email: unep.tie@unep.fr – URL: <http://www.uneptie.org> – <http://www.toinitiative.org>



triển. Những người điều hành tour đóng vai trò trung tâm trong ngành du lịch. Vì là trung gian giữa khách du lịch và nhà cung cấp dịch vụ du lịch, người điều hành tour có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người tiêu dùng, thực tiễn hoạt động của nhà cung cấp và sự phát triển của những thành phần tại điểm đến. Vai trò độc đáo này có nghĩa là người điều hành tour có thể đóng góp quan trọng vào việc xúc tiến những mục tiêu của sự phát triển du lịch bền vững và bảo vệ nguồn tài nguyên văn hóa và môi trường mà sự sống còn của ngành du lịch phụ thuộc vào. Thành viên của TOI tin tưởng rằng du lịch ở khu bảo tồn nên:

1. Được phát triển và thực hiện trên quan điểm hợp tác chặt chẽ với những thành phần thích hợp;
2. Được hỗ trợ bởi những chính sách hiệu quả, những hướng dẫn, chiến lược quản lý và biện pháp công nghệ;
3. Tập trung vào việc bảo tồn môi trường trong khi vẫn đảm bảo được sự phát triển lành mạnh về kinh tế, xã hội, văn hóa.

Những đóng góp của người điều hành tour vào sự phát triển bền vững của những khu bảo tồn

Thành viên của TOI cũng tin tưởng rằng người điều hành tour có thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của du lịch ở những khu bảo tồn theo nhiều cách khác nhau, như:

1. Đưa những khu bảo tồn vào chương trình và cung cấp thông tin cho khách về những đặc điểm văn hóa và tự nhiên của điểm tham quan và vai trò của họ trong việc bảo tồn hệ sinh thái tại địa phương;
2. Giới hạn số khách trong các nhóm hoặc chia những nhóm lớn thành nhiều nhóm nhỏ khi tham quan khu bảo tồn;
3. Thông báo trước cho người quản lý khu bảo tồn khi đến tham quan và thảo luận về những cách nhằm giảm bớt tác động của du khách;
4. Đưa những nguyên tắc bền vững thành tiêu chí lựa chọn và thỏa thuận dịch vụ với những nhà cung cấp, và trong việc chọn lựa những nhà cung cấp và điều hành địa phương;
5. Đóng góp tài chính vào dự án bảo tồn và phát triển;
6. Cung cấp cho khách hàng những cơ hội hỗ trợ cho khu bảo tồn một cách tích cực và hiệu quả;
7. Cung cấp cho khách hàng những hướng dẫn làm thế nào để tránh những tác động tiêu cực khi tham quan những khu vực nhạy cảm, chẳng hạn như việc giữ khoảng cách thích hợp với đời sống hoang dã, đi theo đường mòn để tránh giẫm lên cây cỏ, tiết kiệm nước và năng lượng để tránh những tác động có liên quan đến môi trường.

Tour Operators' Initiative Secretariat

C/o United Nations Environment Programme – Division of Technology, Industry and Economics

Tour Mirabeau, 39-43 André Citroën, 75739 Paris – Cedex 15, France

Tel: +33-1-44371450 – Fax: +33-1-44371474

Email: unep.tie@unep.fr – URL: <http://www.uneptie.org> – <http://www.toinitiative.org>



Những ví dụ về thực tiễn hay do những thành viên của TOI

Sáng kiến Khám phá (UK) đưa ra tour Chuyến Du lịch của Những nhà thám hiểm, ở đó, du khách được tham gia như những người giúp việc cho các dự án nghiên cứu cụ thể. Chẳng hạn như, tour ở Kalimantan, Indonesia, trên đảo Borneo, cho phép khách du lịch làm việc với những chương trình nghiên cứu về Đười ươi dẫn đầu thế giới và đóng 1.000 USD mỗi người vào Quỹ Đười ươi ở Công viên Quốc gia Tanjung Putung

Tour Năng nổ (Morocco) đã phát triển Hiến chương Hướng dẫn viên về Sa mạc và Núi cho hướng dẫn viên của nó, như là những phương tiện để xây dựng ý thức về vai trò liên lạc của họ đối với du khách về:

1. Những vấn đề môi trường;
2. Những tác động kinh tế của các nhóm tại một khu vực được nêu;
3. Nguồn tài chính sinh ra từ ngành du lịch và vai trò của họ trong việc gìn giữ những loài đặc hữu và di sản địa phương;
4. Sự phát triển kinh tế xã hội địa phương;

Những biện pháp xã hội và môi trường thích hợp.

Cuộc di cư (Anh) có một chính sách Du lịch có Trách nhiệm gồm:

- Thuê thêm hướng dẫn địa phương để cung cấp nhiều thêm những

kinh nghiệm và sự hỗ trợ cho cộng đồng địa phương;

- Mua bất kỳ những sản phẩm và dịch vụ địa phương nào phù hợp cho tất cả các chuyến đi;
- Làm việc với những người điều hành địa phương để thực thi chính sách; và
- Giới hạn số khách của các tour tùy theo tình hình tại địa phương.

Hapag-Lloyd Kreuzfahrten (Đức)

Chuyên về những cuộc hành trình và những chuyến đi trên sông và đại dương bằng tàu khách sang trọng, đặc biệt là ở Nam cực, Bắc cực, những quần đảo ở Nam Thái Bình Dương và lòng chảo Amazon. Để giảm thiểu những tác động môi trường do các tour gây ra và tăng thêm những kinh nghiệm cho khách hàng, công ty đã phát triển một sổ tay dành cho khách lẻ hành đến Nam cực, trong đó cung cấp:

- Hướng dẫn và những thông tin thực tiễn về những hành vi đúng đắn ở Nam cực;
- Những sự kiện lịch sử, khoa học và địa lý thành những bài giảng đồng hành tổ chức trên tàu; và
- Phần đọc thêm về Nam cực, gồm những chủ đề về lịch sử vùng đất, Hiệp ước Nam cực, những loài động, thực vật bản địa và những vấn đề môi trường trong vùng.

Tour Operators' Initiative Secretariat

C/o United Nations Environment Programme – Division of Technology, Industry and Economics

Tour Mirabeau, 39-43 André Citroën, 75739 Paris – Cedex 15, France

Tel: +33-1-44371450 – Fax: +33-1-44371474

Email: unep.tie@unep.fr – URL: <http://www.uneptie.org> – <http://www.toinitiative.org>



Hotelplan (Thụy Sĩ) đã thiết lập một Quỹ Sinh thái vào tháng 1 năm 2001. Quỹ đã tăng lên nhờ việc đóng góp 5 Franc Thụy Sĩ (khoảng 3 USD) của mỗi khách trong bất kỳ tour Bờ biển nào của Hotelplan's Holidays, khoản tiền này chiếm khoảng 20-25 % giá bán. Năm 2002, Quỹ đã tăng khoảng 750.000 USD. Tiền được sử dụng cho những dự án trong và ngoài khu du lịch bền vững, những nỗ lực môi trường của những thành phần tham gia tại những điểm đến của Hotelplan, và những trợ giúp khẩn cấp trong những thảm họa thiên nhiên hoặc những dự án chỉ thực hiện một lần duy nhất.

Premier Tours (Mỹ), chuyên về những hành trình ở Đông và Nam Phi, chọn những khu lều cắm trại và những chỗ nghỉ chân ở các công viên quốc gia và những khu bảo tồn thú săn lớn của tư nhân có cam kết những biện pháp bền vững và áp dụng một cách tiếp cận nhạy cảm vào du lịch, liên quan đến bảo tồn và cộng đồng địa phương. Premier Tours thiên về những trại:

- Thuê những nhà sinh thái làm việc trọn thời gian để đảm bảo những biện pháp thực tiễn bền vững cho môi trường ở các trại;
- Cấp điện từ năng lượng mặt trời;
- Không cho phép săn bắn nhưng ủng hộ việc chụp ảnh săn bắn;
- Cung cấp cho những lợi ích trực tiếp và gián tiếp cho cộng đồng địa

phương và/hoặc những dự án bảo tồn;

- Bắt dời rác đến những vị trí thải rác an toàn; và
- Đặt những hố chất thải theo hàng cho quá trình xử lý nước thải an toàn.

TUI Nederland (Hà Lan) đã khởi đầu một Dự án Du lịch Nhận thức Môi trường ở Bonaire và Curaçao năm 1999, để cung cấp cho khách hàng những thông tin về du lịch có trách nhiệm và những sản phẩm bền vững. Những thông tin ban đầu được cung cấp trong những tờ bướm có nhãn hiệu là Arke và Holland International của TUI Nederland. Khi khách hàng chọn tour đến Bonaire hay Curaçao:

- TUI Nederland cung cấp những mẹo nhỏ về những biện pháp thực tiễn thân thiện với môi trường trong những quyển sách nhỏ kèm theo vé máy bay của họ.
- Hãng KLM, một thành viên của dự án, chiếu một video về những chuyến tham quan và những hoạt động bền vững trên máy bay như là một phần của dự án.
- Khi đến nơi, những tiếp viên của TUI Nederland đã được đào tạo sẽ giới thiệu với khách về những chuyến tham quan và những hoạt động bền vững hiện có; và
- Sách về tài nguyên của TUI Nederland, có sẵn trong tiền sảnh các khách sạn, chỉ dẫn thêm cho

Tour Operators' Initiative Secretariat

C/o United Nations Environment Programme – Division of Technology, Industry and Economics

Tour Mirabeau, 39-43 André Citroën, 75739 Paris – Cedex 15, France

Tel: +33-1-44371450 – Fax: +33-1-44371474

Email: unep.tie@unep.fr – URL: <http://www.uneptie.org> – <http://www.toinitiative.org>



khách về những hoạt động, những chuyến tham quan bền vững và những sự hấp dẫn.

Viaggi del Ventaglio (Ý) năm 1991 đã quyết định dành 1 USD mỗi giường ngủ/đêm cho Bộ Du lịch của Cộng hòa Dominica, để giúp cho việc sửa chữa những thiệt hại do cơn lốc George gây ra. Những đóng góp này kéo dài trong 1 năm và tạo ra khoảng 150.000 USD. Một phần của kinh phí này đã được đầu tư vào việc bảo tồn và phát triển đảo Saona trong Parque Nacional del Este. Đảo đặc trưng cho một hệ sinh thái đẹp, độc đáo nhưng mỏng manh, và những chuyến du ngoạn ưa thích dành cho những khách sạn nằm trong vùng. Kinh phí này cũng được dùng để xây lại 63 ngôi nhà trong làng Manojuan, nơi đã bị tàn phá nặng nề sau cơn lốc, và để xúc tiến và phát triển những hoạt động thủ công địa phương, thông qua việc tài trợ cho những doanh nghiệp địa phương.

Tour Operators' Initiative Secretariat
C/o United Nations Environment Programme – Division of Technology, Industry and Economics
Tour Mirabeau, 39-43 André Citroën, 75739 Paris – Cedex 15, France
Tel: +33-1-44371450 – Fax: +33-1-44371474
Email: unep.tie@unep.fr – URL: <http://www.uneptie.org> – <http://www.toinitiative.org>





Trường hợp: Peru Treks & Cuộc thám hiểm

Du khách đến Peru đã tăng lên đáng kể trong hai thập niên qua, do việc tăng độ an toàn, văn hoá, lịch sử và các điểm thu hút, và việc quảng bá chính trên thị trường thế giới. Rõ ràng tất cả du khách đến du lịch Peru tham gia Machu Picchu trong Andes, và nhiều người tham gia tất cả các phần của “Đường mòn Inca” từ Cuzco đến Machu Picchu. Trong những năm cuối thập niên ‘90, **sự tăng lên về số lượng của các hành trình tham gia cuộc đi bộ đường mòn Inca làm tăng lên các vấn đề về môi trường và xã hội**, bao gồm số lượng lớn chất thải và nước thải tại các điểm cắm trại không theo quy định, làm hư hại và đổ nát các bậc tam cấp bằng đá của đường mòn, một tác động tiêu cực đến lối sống của cư dân địa phương.

Đối xử tệ với người khuân vác và người phục vụ ăn uống trở thành một vấn đề đặc biệt. Hầu hết những người khuân vác là nông dân Quechua từ các vùng quê lân cận, thu nhập của họ phụ thuộc nhiều vào công việc tại Đường mòn Inca. Ngôn ngữ của họ là ngôn ngữ Quechua, ngôn ngữ của người Inca, mặc dù hiện nay có nhiều người nói tốt tiếng Tây Ban Nha. Nhiều giá trị truyền thống và đức tin của họ còn lại hiện nay không thay đổi mấy so với trước và sau khi người Tây Ban Nha xuất hiện. Sự phát triển một lượng khách du lịch khổng lồ trong và xung quanh Cuzco đã trở nên một sức mạnh, và thường phá huỷ và gây sức ép cho cộng đồng bản địa này. Việc đối xử với người khuân vác bản địa bao gồm trả lương quá thấp, mang quá nặng (thường là 50kg hoặc hơn), và cung cấp nghèo nàn trên đường mòn, đi trong thời tiết lạnh giá, gồ ghề trong độ cao hơn 13.000 feet so với mặt nước biển mà không mang giày, đồ đạc, thức ăn, túi ngủ thích đáng cho thời tiết lạnh và trên độ cao như vậy.

Chính phủ Peru đã thực hiện công tác nghiên cứu để bảo tồn và lưu giữ chất lượng môi trường dọc theo đường mòn Inca, họ nhận ra rằng Đường mòn chính là nguồn lợi chính yếu để thu lệ phí của những người đến Peru. **Các du khách trong đường mòn Inca ngày nay đã bị giới hạn** bằng các luật lệ (lệ phí hiện nay là 73 đô-la), cái này phải được phục vụ tốt trong sự hợp tác với các công ty hướng dẫn địa phương. Những giới hạn khác bao gồm:

- Du khách đi bộ hiện nay đòi hỏi phải có hướng dẫn viên có giấy chứng nhận
- Tất cả du khách phải ngủ trong khu vực đã thiết kế trước
- Đốt lửa trại đã bị cấm
- Đóng đường mòn 1 tháng trong một năm, thời gian cần thiết cho bảo quản và làm vệ sinh
- Đặt các điểm kiểm tra trong đường mòn để kiểm tra giấy phép, sổ hộ chiếu và sức tài của người khuân vác

Đòi hỏi khách du lịch có hướng dẫn tăng lên làm tăng theo các công ty cung ứng hướng dẫn du lịch, nhiều công ty không sử dụng các việc làm cho du lịch bền vững, đặc biệt là đối xử với người làm việc địa phương. Chính phủ Peru thông qua “Luật cho người khuân vác” năm 2002 để giới hạn trọng tải cho người khuân vác là 20kg và một mức lương tối thiểu, nhưng đạo luật này đã bị lờ đi. Tuy nhiên, một số công ty du lịch địa phương mới đã từng bước cải thiện các khía cạnh về môi trường và xã hội của du lịch dọc theo Đường mòn Inca. Như một trong nhiều công ty, **Peru Treks & Adventure**,



đã thực hiện nhiều chính sách về môi trường và xã hội bao gồm:

1. **Đối xử tốt của người làm việc địa phương**

Peru Treks & Adventure đã được thực hiện và quản lý do người địa phương. Các công ty chăm sóc đặc biệt những người làm việc cho đường mòn. Người quản lý đưa ra rằng: “Cung cấp tốt thức ăn cho người khuân vác là một nhiệm vụ mang tính bắt buộc. Nó không chỉ là việc trả lương cao hơn; trong ý kiến chúng tôi ***có sự đối xử tốt hơn cho những người khuân vác như giữa con người còn hơn là súc vật vận chuyển.***” Việc thực hiện của họ bao gồm:

- Lương người khuân vác cao hơn 20% so với lương trung bình của người điều hành tour Đường mòn Inca tại địa phương. Thu nhập hàng ngày của họ có thể được so sánh với người làm việc thành thạo (như là thợ mộc chính) và xấp xỉ cao hơn 4 lần so với nông dân địa phương.
- Những người khuân vác còn được thêm 5% nếu như họ hoàn thành một khoá học đầu tiên được thực hiện bởi Tổ chức Phi chính phủ tại địa phương. Vào năm 2006, công ty bắt đầu thêm 5% cho những người khuân vác nào đã hoàn thành thêm khóa tập huấn về nhận thức môi trường. Điều này không chỉ giúp họ về khía cạnh tài chính, mà còn trang bị cho họ những kỹ năng có giá trị, giúp phổ biến những kỹ năng đó cho cộng đồng địa phương, và đóng góp cho cảm nhận của người khuân vác về chủ nghĩa chuyên nghiệp và tự quý trọng.
- Người khuân vác mang trọng lượng tối đa 20kg. (Do luật pháp quy định, nhưng Peru Treks & Adventure gây áp lực giới hạn này, trọng lượng cho những người khuân vác tại các điểm đi và các du khách nào có đòi thêm lượng mang vác thì hoặc là bỏ qua hoặc là phải thuê thêm người mang).
- Người khuân vác được trang bị lều rộng hơn với mái chống thấm nước cho việc ngủ nghỉ trong chuyến đi.
- Mỗi người khuân vác được cung cấp đôi giày đi bộ có chất lượng tốt (người khuân vác trả 25% trị giá đôi giày), túi ngủ (miễn phí), và giỏ mang được thiết kế chuyên biệt cho việc mang hàng (miễn phí)
- Bảo hiểm đời sống/tai nạn cho tất cả người khuân vác (áp dụng hàng năm, không phải chỉ một tour).

Trong nhiều trường hợp, công ty tìm nhiều cách để thực hiện ***sử dụng hai lần cho người khuân vác sau khi họ hoàn thành xong công việc với du khách.*** Ví dụ, một cái lều chống thấm được sử dụng cho bữa ăn của khách; sau bữa ăn, lều được quét dọn, sắp xếp với nền chống thấm, và sử dụng như là lều ngủ dành cho người khuân vác. Tương tự như vậy, các túi ngủ có chất lượng cao được cho các du khách thuê trong trường hợp du khách không có. Sau khi các túi ngủ này cho thuê 10 lần, công ty thu hồi lại và cho luôn người khuân vác.

2. **Trách nhiệm môi trường**

Peru Treks huấn luyện tất cả các người làm việc trong chuyến đi Machu Picchu Sanctuary những quy định và nhận thức môi trường, chăm sóc và làm sạch rác và chất bẩn, sử dụng nguồn chất đốt sạch để nấu ăn trong đường mòn Inca. Như đã nói ở trên, người làm việc được trả thêm 5% nếu như họ hoàn thành khóa tập huấn về nhận thức môi trường. Người hướng dẫn giáo dục du khách về các việc làm về môi trường.



3. Giáo dục du khách

Peru Treks mang đến một lượng lớn thông tin về văn hoá địa phương, sự bền vững và tác động môi trường vv... đến khách hàng của nó thông qua các website, tờ rơi, thông tin trước chuyến đi, và thông qua người hướng dẫn khi đi trên đường mòn. Khách du lịch được khuyến khích đóng góp vào các dự án địa phương (xem phía dưới). Công ty cũng cung cấp các du khách những thông tin về khách sạn, tour vv... bất cứ nơi đâu tại Peru, mà các cuộc gặp này là tiêu chuẩn cho du lịch bền vững.

4. Các dự án & quyền góp cho cộng đồng

Peru Treks & Adventure cho phép một chiến lược kép của cả hai **quyên góp cho quỹ cộng đồng và khuyến khích khách hàng quyên góp**. Dự án bao gồm:

- **Xây dựng trường học.** Dự án cộng đồng có tham vọng nhất của công ty là xây dựng hai trường học tại địa phương. Trong năm 2005, họ quyên góp được chi phí cho các vật liệu xây dựng (6000 đô-la) và trả chi phí cho những người làm một trường học cho 60 trẻ. Cộng đồng địa phương cung cấp nhân công lao động. Năm 2006, Peru Treks & Adventure đóng góp được 5000 đô-la cho xây trường thứ 2. Công ty hy vọng hàng năm xây thêm 1 trường.
- **Quyên góp đồ mặc.** Công ty khuyến khích du khách mang theo thêm đồ trong chuyến đi của họ để quyên góp cho cộng đồng. Peru Treks & Adventure thu thập đồ tại các văn phòng chính khi du khách đến để điền những thông tin cuối cùng trước khi đi tham quan.
- **Quyên góp các dụng cụ học tập** như sách, giấy, màu vẽ vv.... Công ty quyên góp một số lợi nhuận cho dự án này, và cũng khuyến khích du khách lạc quyên.
- **Những cử chỉ tốt khác** đến cộng đồng bao gồm quà Giáng sinh được quyên góp từ du khách và phân phát lại cho trẻ em trong cộng đồng, tài trợ các đảng phái của cộng đồng và chương trình đá banh.

5. Tìm kiếm khách hàng sẵn lòng chi trả nhiều hơn cho sự bền vững

Chi phí hoạt động của Peru Treks & Adventure cao hơn một ít so với các công ty du lịch khác do những việc làm của họ. Chưa nói đến công ty có thu nhập. Nó đóng góp lệ phí hơi cao hơn đối với du khách trong cuộc hành trình “Đường mòn Inca”, nhưng trong cùng một thời gian, nó thu hút khách hàng trả phí nhiều hơn cho việc thực hiện các vấn đề môi trường và xã hội.

Peru Treks & Adventure tiếp thị khả năng của chính nó như một công ty có trách nhiệm với xã hội và môi trường. Ví dụ, nó bao gồm số lượng lớn các thông tin trên website, cái này được cập nhật thường xuyên bao gồm những bài báo chi tiết về công việc người làm công và trợ cấp của người khuân vác, cập nhật những dự án về xây trường học. Chăm sóc và sự chú ý trước đây của người tổ chức tour mang đến sự thoải mái cho cộng đồng và các việc làm về môi trường thu hút những khách hàng quan tâm đến sự bền vững, và những ai sẵn lòng trả nhiều hơn cho nó.



Các sản phẩm của các nhà điều hành tour và những nhà cung cấp chính

Các thành phần của các sản phẩm du lịch	Nhà cung cấp
Nơi lưu trú	Khách sạn, giường ngủ & ăn sáng, tự cung cấp thực phẩm, phòng phục vụ, các điểm cắm trại, tàu du lịch
Giao thông đến và đi từ các điểm du lịch	Giao thông công cộng (tàu lửa), sân bay, các hãng vận tải đã lên kế hoạch, các hợp đồng thuê hàng không, các chuyến đi trên biển đã lên kế hoạch, các chuyến đi trên biển đã được thuê, xe khách, tàu biển
Cung cấp thực phẩm, thức ăn và nước uống	Nhà hàng và quán rượu, các tiệm tạp hoá, nông dân, ngư dân, thị trường/kinh doanh địa phương, tiệm bánh, hàng hoa quả, những tiệm thức ăn sỉ
Lưu thông mặt đất	Thuê xe, tàu, cung cấp nhiên liệu, các trạm gas, xe taxi
Các dịch vụ mặt đất	Văn phòng, người điều hành, người điều hành tại điểm du lịch
Các sự kiện văn hoá và xã hội	Nhà cung cấp các chuyến đi thực địa, tour, các phương tiện giải trí, thể thao, quầy hàng và các công ty
Các nguồn lợi di sản, văn hoá và môi trường của điểm du lịch	Ban quản lý, các nhà quản lý các điểm bảo tồn, các bên thuê và chủ tư nhân

Nguồn: Supply Chain Engagement for Tour Operators – Three Steps Toward Sustainability. 2004. The Tour Operators' Initiative for Sustainable Tourism Development.



Các chuỗi cung cấp bền vững – Các điểm điển cứu

Điểm điển cứu 1: Aurinkomatkat

Aurinkomatkat, công ty điều hành tour ra nước ngoài của Phần Lan bắt đầu tổng hợp những đo đạc về tính bền vững với những hệ thống chuỗi cung cấp của nó vào năm 2000. Công ty đã phát triển các tiêu chí bền vững cho các khách sạn liên kết với những ưu tiên dành cho **việc quản lý nước** và **tiết kiệm năng lượng**.

Những tiêu chí thấp nhất đã được hình thành cho các khách sạn liên kết bao gồm việc liên kết với các hệ thống xử lý nước thải và những đo đạc về việc tiết kiệm năng lượng và nước. Chương trình bền vững được thực hiện theo nhiều giai đoạn để cho phép các khách sạn liên kết **một giai đoạn chuyển đổi** để đạt được những đòi hỏi của chương trình và tìm hiểu thêm những gì được mong đợi trong tương lai.

Giai đoạn đầu tiên bao gồm việc **giám sát** các thể hiện về môi trường, nhưng không đòi hỏi các nhà cung cấp nơi lưu trú thực tế phải đạt được tất cả những đòi hỏi. Việc giám sát đầu tiên được thực hiện thông qua một danh sách kiểm tra các nhà đại diện của các phương tiện phải hoàn chỉnh và được sự kiểm tra của cán bộ của Aurinkomatkat tại các điểm du lịch và được thay đổi theo hằng năm. Tất cả các nhân viên của Aurinkomatkat đều được huấn luyện về du lịch bền vững thông qua các bài giảng và những buổi thảo luận bàn tròn. Việc huấn luyện được liên tục thông qua các buổi thảo luận, các trang web, bản tin về du lịch bền vững và những tập thông tin. Những kết quả của chương trình là tích cực và một số nhà quản lý khách sạn đã cung cấp những thông tin về những thực hiện môi trường của họ trước khi được yêu cầu thực hiện. Aurinkomatkat thông báo những nhà cung cấp của mình về chương trình này và cách để thực hiện theo các tiêu chí bền vững thông qua thư và các cuộc viếng thăm của nhân viên phụ thuộc vào từng điểm du lịch. Do có nhiều nơi lưu trú được thực hiện theo mô hình công ty gia đình, nên các chương trình môi trường và những tiêu chuẩn của nó được biên dịch sang những ngôn ngữ của các điểm du lịch.

Để cung cấp những khuyến khích các đối tác cải thiện việc thực hiện môi trường, Aurinkomatkat tạo ra một **hệ thống phân loại tính bền vững**. Hệ thống phân loại này sẽ xuất hiện sớm bên cạnh việc phân loại chất lượng truyền thống trong các tờ rơi, trang web và các ấn phẩm quảng cáo của Aurinkomatkat. Hệ thống phân loại này được dựa trên thang điểm 100. Bằng cách đạt được những tiêu chí thấp nhất trong việc liên kết với các hệ thống xử lý nước thải và đo đạc về tiết kiệm nhiên liệu và nước, các phương tiện có thể ghi được 30 điểm được tính vào trong chương trình bền vững. Những điểm phụ khác được tính cho việc có các chính sách bền vững hoặc môi trường, phát triển hệ thống quản lý chất thải hiệu quả, sử dụng các nguồn năng lượng có thể tái tạo được, thực hiện chính sách mua sắm bền vững và có những chương trình giao lưu với cộng



đồng. Các khách sạn có thể nhận được đến 3 sao cho các thực hiện về môi trường. Nếu có những phản hồi tiêu cực từ khách hàng hoặc nếu có các vấn đề nảy sinh mà liên quan đến các tiêu chí, thì khách sạn có thể sẽ bị hạ cấp phân loại về môi trường.

Nếu chỉ xem xét về việc liên kết các tiêu chí môi trường vào trong các hợp đồng với các khách sạn, thì có thể làm tăng lên tính rủi ro đánh mất tính bền vững về các mặt như kinh tế và văn hoá- xã hội, Aurinkomatkat cũng phối hợp các **chỉ số về tính bền vững về kinh tế và văn hoá – xã hội** vào trong chương trình này. Các tiêu chí cũng chỉ ra rằng một khách sạn có 800 phòng thì có phạm vi tác động khác với một khách sạn nhỏ có 6 phòng và những nguồn lợi đi kèm với chúng là không tương thích. Một khu nghỉ mát đa quốc gia 5 sao với các chứng chỉ sinh thái thì không phải luôn luôn là “lựa chọn” tốt hơn so với những khách sạn được gia đình quản lý, nơi mà không có những chương trình về môi trường nhưng đã tuyển dụng những nhân viên của các gia đình xung quanh và giúp cho kinh tế địa phương bằng cách khuyến khích du khách mua thức ăn và những sản phẩm khác từ những quầy hàng địa phương. Vì thế, công ty cũng đã làm dễ hơn cho những tài sản nhỏ do gia đình sở hữu mà không thể đầu tư về các kỹ thuật môi trường để mở rộng như những khách sạn lớn hơn bằng cách cho thêm 5 điểm phụ cho những cơ sở lưu trú mô hình nhỏ do địa phương sở hữu. Điều này có nghĩa là các khách sạn do gia đình quản lý sử dụng những đo đạc về tiết kiệm năng lượng, nước và xử lý chất thải một cách phù hợp sẽ đạt được những đòi hỏi thấp nhất cho việc kết nạp vào chương trình bền vững. Việc đạt được sự phân loại về môi trường cao hơn sẽ đòi hỏi nhiều đầu tư hơn.

Điểm đến cứu 2: LTU Touristik

Vào mùa hè 2000, **LTU Touristik**, một công ty điều hành tour của Đức đưa ra những tour trọn gói đến tất cả các châu lục, đã khai trương chiến dịch để giúp các khách sạn đã có hợp đồng để cải thiện các thực hiện về môi trường của họ. Chiến dịch này được dựa trên những kinh nghiệm của công ty với các khách sạn đã ký hợp đồng và cho biết rằng phần lớn các chủ khách sạn có cảm giác chung về trách nhiệm với môi trường, nhưng những đề xuất cần thiết cho việc làm thế nào để họ có thể thực hiện tốt được các hoạt động về môi trường. Để xác định những hỗ trợ cần thực hiện ở đâu, Phòng môi trường của công ty LTU Touristik đã làm việc với các nhà tư vấn để cung cấp các bảng câu hỏi với những khách sạn đã hợp đồng. Phòng cũng tổ chức các cuộc họp với nhân viên và các nhà quản lý khách sạn của một số điểm du lịch, cho phép họ tìm hiểu những bước đầu tiên về các hoạt động môi trường của khách sạn và các tác động về môi trường.

Như là trung tâm điểm của chiến dịch, công ty đã soạn thảo các sách hướng dẫn nhỏ, Das Umwelt freundliche Ferienhotel (Khách sạn thân hữu với môi trường) để cung cấp những hỗ trợ về kỹ thuật cho các khách sạn đã hợp đồng. Những chủ đề được soạn thảo trong sách hướng dẫn bao gồm nước uống, các vùng



ngoài trời, năng lượng, mua sắm, rác thải và giao tiếp – liên lạc. Mỗi một phần bao gồm các mô tả chung về các vấn đề và những đề xuất rõ ràng về các giải pháp để giải quyết các vấn đề này, được trình bày bằng cách diễn đạt đơn giản và thể hiện gần gũi với người sử dụng. Nó cũng chỉ ra thời gian cần thiết để thực hiện các hành động và những đầu tư đòi hỏi cũng như việc tiết kiệm các chi phí.

Sách hướng dẫn này chủ yếu dành cho các nhà quản lý khách sạn và những thành viên chịu trách nhiệm cho việc điều hành khách sạn. Sách này cũng đã được đưa đến tất cả các điểm du lịch trên toàn thế giới, những nơi mà công ty LTU Touristik thực hiện kinh doanh. Hiện tại đã có tái bản lần 3, sách dày 20 trang được xuất bản bằng tiếng Đức, Hy Lạp, Anh, Pháp, Ý và Tây Ban Nha. Trong năm 2002, có khoảng 15.000 quyển sách này đã được phân phát và một số công ty, khách sạn lớn đã đặt hàng sách này để sử dụng cho việc huấn luyện nhân viên hoặc tự in lại.

Bằng mọi cách có thể, sách này cũng được phân phát đến các nhà quản lý khách sạn tư nhân. Những hướng dẫn viên du lịch, những khách hàng và trưởng các văn phòng đại diện của các điểm du lịch đã cung cấp những sách hướng dẫn trong những chuyến tham quan định kỳ, đã giải thích về những mục tiêu của công ty LTU Touristik và đưa ra một số đề xuất ban đầu cho các hoạt động môi trường. Sau đó các trưởng đại diện báo cáo những hành động đầu tiên của các nhà quản lý khách sạn đến cho ban quản lý môi trường của LTU Touristik. Bên cạnh các sách hướng dẫn, các nhà quản lý khách sạn cũng nhận được những thư cá nhân và một bảng câu hỏi (1 trang) về những gì từ những sách này mà họ có thể áp dụng cho các hoạt động môi trường, họ có cần thêm những thông tin sâu hơn và những đo đạc về môi trường nào mà họ đã thực hiện. Gần 20% của tất cả công ty cung cấp khách sạn được hợp đồng đã có những phản hồi về công ty.

Nếu các nhà cung cấp nơi lưu trú cần những hỗ trợ cao hơn những hợp đồng đầu tiên này, công ty LTU Touristik cung cấp chúng thông qua Nhóm hỗ trợ kỹ thuật (gồm 2 cán bộ) của Phòng Môi trường của Công ty. Vì thế có thể đảm bảo những đối thoại liên tục với các khách sạn để cải thiện những thực hiện về môi trường của khách sạn. Các khoá huấn luyện cũng được cung cấp cho đối tác, các trưởng đại diện của các văn phòng và những hướng dẫn viên các tour và các nhà quản lý môi trường cũng thường xuyên cập nhật chúng cho những chiến dịch này. Các thông tin cũng được cung cấp về những dạng hỗ trợ kỹ thuật được mong đợi và làm thế nào để thực hiện những đánh giá không chính quy về các phương tiện du lịch. Trang web của công ty cũng cung cấp cho tất cả những nhân viên quan tâm về các thông tin chi tiết.

LTU Touristik nhận ra rằng việc chỉ dựa vào sách hướng dẫn cũng vẫn còn những hạn chế cơ bản rằng không có những cơ chế để cưỡng chế các hoạt động tình nguyện này hoặc chưa có những khuyến khích cho việc thực hiện của họ. Mục đích lâu dài của công ty là có thể biểu diễn được những lợi ích của các



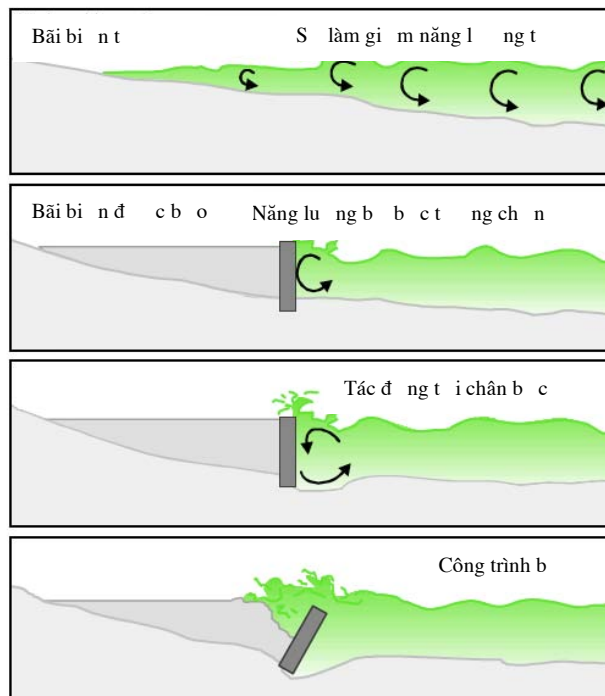
hành động môi trường và để xây dựng được các tiêu chuẩn môi trường cho các khách sạn du lịch. Bước tiếp theo, LTU Touristik có kế hoạch tập trung các thông tin về các hành động môi trường được thực hiện bởi các khách sạn và báo cáo các kết quả của nó đến các khách sạn khác và cuối cùng là những khách hàng của nó.



Các cách tiếp cận kỹ thuật cứng trong việc xây dựng ven biển

Bức tường chắn, vách ngăn hàng hải và những trụ chống đỡ là những bức tường đứng cứng được xây dựng bằng xi-măng hoặc kim loại mà tất cả cùng phục vụ cho một mục đích chung. Các phương pháp này được thực hiện để chống đỡ việc xói lở do chúng đòi hỏi ít không gian và vật liệu. Tuy nhiên, do tính tự nhiên thẳng đứng của nó, năng lượng phản sóng được tối đa hoá, nên đã tạo ra những tiềm năng cho việc phá vỡ các bãi biển hoặc những vùng đất khác đang được bảo vệ như được

trình bày trong các hình dưới đây.



Sự làm yếu chân các công trình xây dựng ở những vùng biển có năng lượng sóng lớn

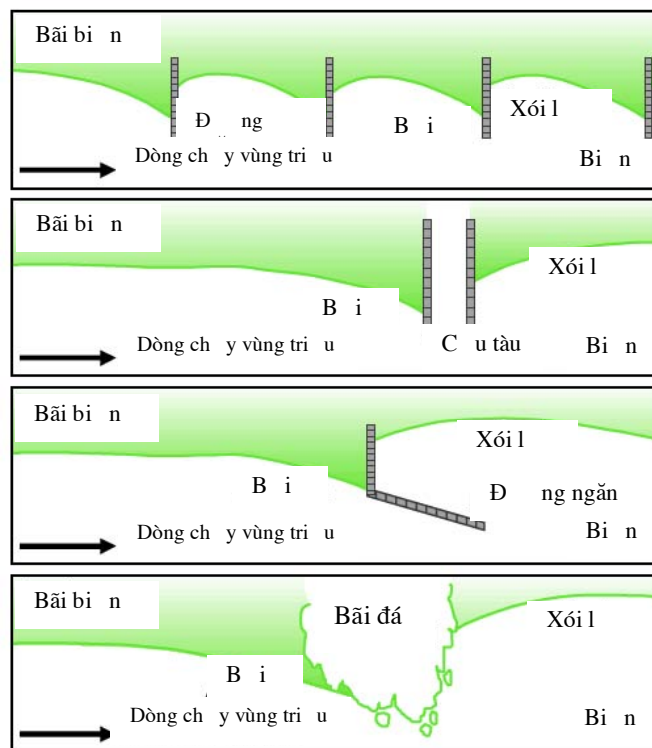
Nguồn: *Sustainable Coastal Tourism Handbook for the Philippines, 2002*

Do sự làm sạch của sóng ở chân các bức tường chắn dẫn đến việc xói mòn cát biển ở chân các bức tường. Vì thế, các bức tường chỉ có tác dụng bảo vệ tạm thời bãi biển phía sau nó và cuối cùng là thúc đẩy sự xói mòn của các phần cát phía trước bức tường và sau đó là bức tường bị ngã đổ, cát phía sau bức tường sẽ có nguy cơ bị cuốn trôi nhiều hơn trước đây do vùng nước sâu hơn.



Bức tường chắn chỉ là giải pháp ngắn hạn, và thông thường sẽ thúc đẩy việc biến mất của bãi biển trong thời gian sau đó.

Đường ngăn, bức chắn sóng và cầu tàu là những công trình được xây bằng đá hoặc xi măng. Những đường ngăn được đặt vuông góc với bờ biển để giữ cát ở mặt sóng vỡ, dàn trải ra trong vùng nước ở đó và ngăn cản sự trôi ở vùng triều gây nên sự lắng đọng của cát. Tuy nhiên, phía sau cột nước lại đánh mất vùng cát ở đó, sự tăng lên về tốc độ đã gây nên sự bao phủ các đường ngăn và kéo nhiều cát ở mặt sau trôi đi và kết quả là làm biến mất các bãi biển và có sự xói lở. (hiện tượng này có thể xảy ra ở xung quanh các bãi đá tự nhiên). Phần lớn các công trình đều có xu hướng gây ra thêm nhiều vấn đề hơn là giải quyết vấn đề trừ phi chúng được thiết kế một cách cẩn thận và đặt phù hợp trong những vị trí có các đặc điểm đặc trưng của bãi biển và các kiểu sóng và trôi của nước.



Nguồn: Sustainable Coastal Tourism Handbook for the Philippines, 2002

Tường ngăn (xem thêm phần tài liệu) là phần đá thoải thoải dốc và giống như các công trình bảo vệ, chúng được sử dụng dọc bờ biển để ngăn chặn việc xói lở đất ven bờ biển. Những bức tường dốc và không gian giữa các hòn đá sẽ làm tiêu giảm năng lượng sóng và làm giảm thiểu những sóng phản lực. Chúng có thể có ý nghĩa hơn những bức tường, đường ngăn và vách ngăn sóng.



Bồi lấp bãi biển là một dạng khác của việc điều khiển xói lở trong đó cát được bồi vào trong các bãi biển bị xói lở để thay thế cho phần cát bị cuốn trôi. Việc bồi lấp cần phải được thực hiện định kỳ nếu bãi biển vẫn tiếp tục bị xói lở. Việc bồi lấp thường tốn nhiều chi phí và thường bị ngăn cản do sự khai thác cát vì nguồn cát có thể là hạn chế và không phải luôn luôn có. Bãi biển bị xói lở nên được phân tích nguyên nhân gây ra việc xói lở và giải pháp phù hợp nhất liên quan đến tự nhiên, chi phí và giới hạn về pháp lý.

Khi lập kế hoạch xây dựng du lịch bãi biển, những rủi ro của việc xói lở có thể được tránh bằng một số “quy định vàng” dưới đây cho việc chống lại xói lở bãi biển:

- Tìm hiểu về hệ thống bãi biển tự nhiên trước khi nó bị thay đổi. Hỏi có những nghiên cứu riêng về vùng.
- Phát triển các khoảng cách phía sau trước khi công việc xây dựng được bắt đầu
- Không cần quan tâm đến cát từ các đụn, bãi biển hay những vùng cát ven bờ.
- Khi các vật cản trở chính các dòng nước ven bờ được xây dựng như cảng, sử dụng các giải pháp mềm như bồi đắp cát hoặc mở thêm các kênh hơn là các giải pháp cứng như làm các bức tường chắn hay đường ngăn.
- Không nên lo lắng nếu bãi biển bị phá vỡ nặng sau cơn bão. Bất cứ khi nào có thể, thông thường các bãi biển sẽ bồi cát trở lại.



Các tiêu chí phát triển du lịch ven biển của Maldives

- Giới hạn những vùng xây dựng cao nhất là 20% so với tổng quỹ đất
- Lưu giữ tình trạng nguyên vẹn về mỹ quan của những đảo có các khu nghỉ mát bằng cách hạn chế độ cao của các công trình xây dựng ngang với độ cao của thực vật trên đảo. Độ cao lớn nhất của bất kỳ một công trình xây dựng nào cũng bị giới hạn bởi 2 chỉ số đó là hệ thực vật trên đảo có thể che khuất các công trình này.
- Xác định không gian cho mỗi du khách để du khách có thể nhìn ra biển từ phòng của mình với con đường 5 m chạy dọc bờ biển. Chỉ có 68% chiều dài của bờ biển là được xây dựng các nhà nghỉ và 20% được phân chia cho các sử dụng công cộng và 12% còn lại là để các khoảng không gian trống.
- Lưu giữ các hệ thực vật bản xứ bằng cách thay thế các cây khi chúng bị chặt. Những cây lớn và quý hiếm sẽ được tránh khi thực hiện các công trình xây dựng.
- Đảm bảo những khoảng trống ở các bãi biển mà tất cả các công trình xây dựng được đặt cách xa các khuôn viên của các hệ thực vật. Khoảng trống ngắn nhất là 5 m từ bờ biển để đảm bảo chu vi của thực vật và điều quan trọng nhất là để bảo vệ được bờ biển.
- Xác định những không gian cho các hệ thực vật nằm giữa các công trình xây dựng để đảm bảo rằng những vùng quan trọng của thực vật bản xứ không bị xâm phạm.
- Ngăn chặn các công trình xây dựng các cầu cảng, bờ ngăn, các bờ biển bằng xi măng để ngăn cản các con nước. Khuyến cáo các tập đoàn san hô lớn trên các bãi rạn san hô và những phương pháp tự nhiên khác để bảo vệ vùng bờ.



Bảo tồn nguồn nước cho các khách sạn

Những lợi ích từ việc thực hiện đo đạc công tác bảo tồn nguồn nước:

1. Tiết kiệm tiền – hạn chế chi phí sử dụng và chi phí chi trả cho việc sưởi ấm, bơm nước và bảo dưỡng
2. Bảo vệ môi trường - hạn chế sự căng thẳng về các nguồn lợi nước và cơ sở hạ tầng
3. Cải thiện những tiện nghi cho khách - hạn chế việc thiếu nước, hư hại các trang thiết bị và sự dao động về nhiệt độ và áp suất nước.

Bước 1

- Đánh giá các kiểu sử dụng nước ở khách sạn (hàng tháng và hàng ngày) để xác định thời gian/địa điểm sử dụng nước cao nhất và xác định các cách để bảo tồn nguồn nước
- Những vùng thông thường sử dụng nhiều nước để kiểm tra: cột nước trong các phòng khách, hệ thống nước tưới cây và trên mặt đất, giặt, hồ bơi và vòi nước tắm, các quán rượu và những tủ đá.

Bước 2

- Đưa các ưu tiên và thực hiện hành động
- Những giải pháp tốt để xem xét: Vòi nước, hạn chế nước xả nhà vệ sinh, các chiến lược tưới cây, duy trì, rò rỉ, sử dụng lại nguồn nước.

Bước 3

- Tiếp tục giám sát việc sử dụng
- Xác định và giải quyết các vấn đề một cách nhanh chóng

Các hành động ngắn hạn

- Lắp đặt các vòi phun nước
- Lắp đặt các vòi sen vừa đủ
- Hạn chế áp lực từ hệ thống phân phối nước cho các trang thiết bị
- Lắp đặt van đóng mở bằng chân ở trong các bồn rửa ở bếp

Các hành động dài hạn

- Tích trữ nước mưa cho việc giặt giũ
- Tưới cây cỏ bằng nước đã dùng rồi (từ các bồn rửa, tắm, giặt...)
- Lắp đặt các vòi nước nhà vệ sinh điều chỉnh theo thời gian

Ví dụ: Một đánh giá của một khách sạn 30 phòng phát hiện rằng 67% các vòi rửa trong phòng nghỉ đều bị hỏng và rò rỉ với dòng chảy khoảng 5.5 US gallons/phút. Việc lắp đặt vòi 1.5 US gal/phút có thể hạn chế việc sử dụng nước khoảng hơn 225.000 US gal/năm và tiết kiệm được 2.400 US \$/năm. Vấn đề này chỉ đòi hỏi đầu tư US \$200 và có thể thu lại trong vòng 5 tuần.

Xử lý nước thải

Nguồn: Caribbean Alliance for Sustainable Tourism (CAST), San Juan, Puerto Rico. URL: www.caribbeanhotels.org



“Nước thải” là gì?

Nước thải là loại nước đã qua sử dụng và không còn sạch nữa. Nó bao gồm:

1. Nước đục (xám) – nước được sử dụng cho việc ăn uống, tắm rửa, giặt
2. Nước thải từ nhà vệ sinh – chứa những sản phẩm thải của con người
3. Nước tưới tiêu - chứa phân bón và thuốc trừ sâu
4. Nước từ các bể bơi và bình nước nóng - thường chứa những hoá chất như chlorine và Brom
5. Nước công nghiệp từ các xí nghiệp, đơn vị kinh doanh...
6. Nước từ môi trường - nước ở tầng mặt, nước từ bão và nước ngầm.

Không có những xử lý phù hợp, nước thải có thể làm ô nhiễm các vùng nước biển, làm phá huỷ các hệ sinh thái nhạy cảm như các Rạn san hô và phát tán bệnh. Các hoá chất độc như thuốc trừ sâu, chlorine có thể gây sốc hoặc giết tất cả các sinh vật. *Dinh dưỡng* quá thừa (từ các chất thải thô hoặc phân bón nông nghiệp) có thể gây ra các hội chứng gọi là phù dưỡng - sự phát triển quá mức của thực vật (thường là tảo), với các đám phủ trên bề mặt nước, làm giảm lượng oxy hoà tan, gây mùi hôi thối và làm chết cá. Những chất thải thô có thể cũng mang những mầm bệnh mà nguy hiểm đến sức khỏe và sự an toàn của con người cũng như sinh vật hoang dã. Các rạn san hô dễ bị ngạt thở từ việc phát triển quá mức của rong và tảo được gây ra do những nguồn nước thải không được xử lý phù hợp.

Xử lý cơ bản các nguồn nước thải:

1. Xử lý sơ bộ loại bỏ các rác thải và những cát thô, sỏi nhỏ. Thường được thực hiện bởi các lưới lọc và không gian lắng đọng. Các lưới lọc các sản phẩm dầu mỡ cũng là một phần của tiền xử lý này. Như các ống nước thải từ các nhà bếp nên có các lưới lọc các chất này.
2. Xử lý sơ cấp loại bỏ phần lớn các chất rắn có thể lắng đọng được và các chất trôi nổi bao gồm các sản phẩm dầu mỡ. Kết quả là các chất lắng đọng “bùn đặc” được loại theo định kỳ. Thông thường, việc xử lý sơ cấp loại bỏ được khoảng 50% các chất rắn lắng đọng và khoảng 30% các hợp chất có thể phân huỷ sinh học.
3. Xử lý thứ cấp: loại bỏ phần lớn các chất rắn còn sót lại và tiếp tục phá vỡ các chất có thể phân huỷ sinh học.

Những xử lý sơ cấp và thứ cấp thường được liên kết trong một hầm chứa phân huỷ đơn có 2 học. Trong một hầm chứa phân huỷ, các chất dầu mỡ sẽ trôi ở tầng mặt, các chất rắn sẽ lắng đọng ở đáy và những vi khuẩn yếm khí sẽ phân huỷ dần dần các chất có thể phân huỷ sinh học.



Nước từ học đầu tiên được trôi vào học thứ 2 để tiếp tục quá trình phân huỷ. Dòng chảy ra từ học thứ 2 cuối cùng sẽ được ra khỏi hầm phân huỷ để đi đến vùng lọc (cũng được gọi là vùng rút nước hoặc vùng thấm nước), ở đây chất thải tiếp tục được lọc một cách tự nhiên bởi thực vật. Nếu hệ thống này làm việc tốt, thì dòng chảy ra sẽ khá sạch và có thể được giữ lại để tái sử dụng cho việc tưới tiêu – các nguồn nước này nên được kiểm tra để đảm bảo là đủ sạch cho những mục đích này.

Những quan tâm chính cho việc xử lý nước thải:

- Phần lớn các khách sạn ở ven biển sẽ cần lắp đặt những hệ thống phân huỷ riêng.
- Khi lắp đặt, các hệ thống phân huỷ không nên bị bỏ quên hoặc được xem như chỉ để tránh các vấn đề. Chúng nên thường xuyên được kiểm tra và bảo dưỡng để hoạt động tốt. Nếu không, những nguồn nước được xử lý từ những hệ thống này sẽ bị ô nhiễm dần dần khi hệ thống bị tắt nghẽn do các chất dầu mỡ và các chất đặc quánh. Lúc đó hiệu quả làm sạch bị giảm xuống. Những hầm phân huỷ nên được làm sạch các chất đặc quánh ở đáy theo định kỳ (để lại 10% bùn đặc này để gây tạo lại quần thể vi khuẩn) và cần có các hợp phần xử lý sơ bộ để loại bỏ các chất dầu mỡ ngay từ đầu thì nước chắc chắn sẽ được lọc sạch hơn (xem dưới đây).
- Các lưới lọc các chất có dầu mỡ nên được làm sạch hàng tuần, đặc biệt là ở các bếp ăn. Nếu không, các chất này sẽ làm tắt nghẽn các ống dẫn của các hệ thống phân huỷ. Những hoạt động thường xuyên để giải quyết các chất dầu mỡ này với acid sulfuric là không được khuyến cáo. Các chất này rất làm xơ cứng các ống dẫn xuống (thường là ở các dòng chảy ra đến các vùng lọc) và acid sẽ giết những vi khuẩn có lợi tại những vùng này. Thay vào đó, có thể dùng những vật nhỏ để vớt các vật này và sử dụng các chất làm giãn sinh học – có thể có ích cho các vi khuẩn mà phân huỷ các chất dầu mỡ này.
- Bùn đặc từ các hệ thống phân huỷ hoặc thực vật xử lý cần phải được loại bỏ một cách cẩn thận, nó cũng có thể là có hại đối với môi trường. Trong một số trường hợp những bùn đặc được xử lý tốt có thể dùng làm phân bón.
- Nước thải được xử lý tốt có thể được tái sử dụng cho việc tưới tiêu, nhưng nó nên được giám sát để đảm bảo là thật sự sạch và không phát tán các nguồn bệnh.
- Nước thải từ giặt giũ không nên được đưa trực tiếp vào các hệ thống xử lý nước thải. Những nước giặt nóng sẽ làm hạn chế sự phát triển một số vi khuẩn, sự tràn lên một khối lượng lớn có thể là quá tải đối với hệ thống và những nước thải này không đòi hỏi phải qua xử lý một



cách đầy đủ (thường chúng chỉ chứa bột giặt và bụi bẩn). Nước thải giặt nên tốt nhất cho vào hệ thống tái sử dụng nước giặt hoặc có thể đổ vào những hầm rút.

- Các hoá chất như chất tẩy và những hoá chất làm sạch có thể làm cho nước thải không còn phù hợp cho các sử dụng môi trường. Những hành động tốt nhất là giới hạn sử dụng những hoá chất này ở những vùng mới. Trong nhiều trường hợp, các chất làm sạch hơn khác có thể được sử dụng.
- Huấn luyện là điều quan trọng để các nhân viên thực hiện việc bảo dưỡng những hệ thống này (luôn làm sạch các lưới lọc các chất có dầu mỡ) hoặc điều hành thực vật xử lý. Việc xử lý nước thải không nên được xem như là việc hạ cấp hoặc không quan trọng; đây là một quá trình phức tạp với những vấn đề quan trọng lớn cho môi trường và cộng đồng.



Quản lý chất thải rắn

Chất thải rắn có chứa nhiều loại chất thải vật lý mà không thể hoà tan trong nước – “rác thải” với nhiều loại khác nhau như các mẫu thức ăn, các đồ nội thất bị vỡ, các mảnh vụn trong xây dựng, quần áo cũ, chai lọ, vỏ đồ hộp, giấy... Các khách sạn tập trung một số lượng lớn tạo ra một lượng lớn chất thải rắn. Phần lớn du khách thải ra nhiều chất thải rắn hơn là các cư dân địa phương.

Những lợi ích của việc quản lý hiệu quả chất thải:

- Hạn chế chi phí sử dụng như phí chuyên chở và phục vụ (ví dụ: khách sạn Half Moon, ở Jamaica hạn chế những chi phí chuyên chở rác thải từ US \$1.700 đến US \$620/tháng).
- Tăng lợi tức từ các sản phẩm tái chế.
- Hạn chế các vấn đề về côn trùng và thuốc diệt chuột, nguy cơ cháy và các mùi gây thối
- Cải thiện được mối quan hệ với cộng đồng
- Cải thiện được các điều kiện vệ sinh
- Cải thiện về mỹ quan như hạn chế các rác thải trên bờ biển
- Cải thiện được sự thoả mãn của du khách nhờ vào các điểm trên

Một số mẹo vặt cho việc hạn chế các rác thải rắn:

- Tái chế tất cả những vật có thể - như chai, kim loại, giấy và ny-lon. Chuẩn bị những thùng chứa các loại rác khác nhau và khuyến khích việc phát triển các chương trình tái chế.
- Thu nhặt rác thải trong những thùng chứa được đậy chặt để tránh chuột và dán (xem bên dưới)
- Có một số loại rác thải rắn có thể chứa đựng nước mưa là nơi để phát tán những nguồn bệnh từ muỗi như các lốp xe cao su, chai, vỏ đồ hộp... Ở một số vùng thì đây là vấn đề đáng lo ngại (như những vùng bệnh sốt rét và bệnh sốt xuất huyết), khuyến khích mọi người lật úp các chai, vỏ đồ hộp trên những giá treo hoặc những nơi được đậy kín mà không bị nước mưa vào.
- Tái sử dụng tất cả các vật có thể - các đồ nội thất hoặc quần áo cũ có thể được sử dụng hoặc đem cho các nhân viên hoặc nơi từ thiện.
- Cung cấp cho khách hàng những vị trí để bỏ những thứ không cần thiết mà có thể đem cho các nơi từ thiện
- Những thức ăn chưa sử dụng có thể phù hợp để cho các nơi từ thiện
- Tự huỷ tất cả các rác thải hữu cơ ở bếp hoặc vườn (những mảnh đồ ăn,...) và sử dụng để làm phân bón trong vườn.



- Hạn chế sử dụng những đồ đóng gói trong các phòng khách (như chai, đồ hộp...) và những bì ny-lon.
- Hạn chế sử dụng những vật dùng một lần (như bì ny-lon, dụng cụ ăn uống bằng nhựa, các tạp dề, giấy ăn...) và những hộp phục vụ cá nhân (bơ, đường, kem, mút, sữa, nước trái cây...).
- Thu nhặt hoặc tái chế dầu ăn
- Rửa sạch các lưới lọc đồ thừa thường xuyên và không dùng những hoá chất (xem phần nước thải).
- Mua những vật dụng thông dụng trong những thùng lớn nếu có thể
- Yêu cầu những nhà cung cấp các hoá chất thu nhặt lại các bình, vỏ đựng hoá chất
- Sử dụng những hoá chất thân hữu với môi trường và hạn chế sử dụng những hoá chất gây hại (các chất tiêu huỷ, acid ăn mòn, các chất dung môi...)



Bảo tồn năng lượng

Năng lượng như điện, nhiên liệu là những phần rất quan trọng trong việc chi tiêu của khách sạn và nó có thể chiếm đến 70% tổng chi phí các sử dụng. Chủ yếu là sử dụng cho máy điều hoà trong các phòng khách. Tiết kiệm năng lượng là cách nhanh nhất để hạn chế được các chi phí điều hành với các khoản đầu tư vốn thấp. Nó cũng có thể hạn chế những hậu quả gây hại từ các nhiên liệu hoá thạch vào chất lượng không khí, tầng ô zôn, sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng lên.

Những đo đạc tiết kiệm năng lượng “không tiêu tốn” tốt nhất

- Phân công một nhân viên chịu trách nhiệm cho chương trình tiết kiệm năng lượng. Những trách nhiệm nên bao gồm việc ghi lại các đồng hồ điện (ít nhất là 1lần/tháng) và theo dõi sự tiến triển.
- Phân tích những nhận thức của nhân viên, huấn luyện và lập danh sách kiểm tra hoặc những hướng dẫn rõ ràng khác để đạt được mục tiêu tiết kiệm năng lượng.
- Điều chỉnh việc lắp đặt và các mức độ chiếu sáng để đảm bảo năng lượng được sử dụng thấp nhất cho những tiện nghi mong muốn. Nước nóng có thể được sử dụng ở nhiệt độ 122 °F và nhiệt độ phòng nên để ở 72-74°F.
- Thành lập lịch bảo dưỡng định kỳ cho tất cả các trang thiết bị chính, chú ý đến một số điểm sau:
 - Điều chỉnh và thay thế các dây cu-roa
 - Bảo vệ và thay thế những dây dẫn và các ống dẫn (thường mất 10 - 20%)
 - Bảo dưỡng định kỳ các thiết bị điều hoà (thường tiết kiệm được đến 20% năng lượng)
 - Sửa lại các cửa sổ, máy làm mát, tủ lạnh...
 - Những thiết bị rung hoặc có âm thanh bất thường
- Phân những phòng để có thể đóng/tắt điện những phòng không được dùng.
- Có những nhân viên tắt các máy bơm hồ bơi và quạt hút chạy qua đêm
- Chỉ vận hành những máy giặt rửa khi có đủ đồ
- Xem xét sử dụng ánh nắng tự nhiên cho việc làm khô quần áo
- Nếu có thể nên sử dụng sự thông gió tự nhiên và những bóng cây và thực vật khác để làm mát phòng khách và ngoài sân...



Nguyên tắc và danh sách kiểm tra lập kế hoạch khách sạn

Người lập kế hoạch nên xem xét những nguyên tắc sau khi phát triển những kế hoạch sử dụng đất hoặc chương trình phân vùng cho các vùng ven biển.

Bảo vệ những vùng nhạy cảm: việc phát triển nên được tránh ở những vùng ven biển mà được xác định là nhạy cảm về sinh thái, văn hoá hoặc xã hội hoặc là có những nguy hại tiềm năng cho việc phát triển. Nếu việc phát triển ở bên trong hoặc xung quanh những vùng nhạy cảm mà không thể tránh khỏi được thì điều bắt buộc là các hoạt động mà có thể đe dọa đến các nguồn lợi môi trường và văn hoá cần phải được quản lý hoặc có thể là bị cấm bởi những thông lệ địa phương hoặc là những pháp lý cần thiết nếu là ở trong những KBTB hoặc Khu dự trữ.

Đưa việc phát triển vào sâu đất liền nếu có thể: khi phát triển một kế hoạch cho vùng ven biển, một câu hỏi quan trọng cần được quan tâm là các hoạt động dự kiến có đòi hỏi được đặt ở vùng ven biển hay không? nếu không thì những vị trí thay thế trong đất liền có thể được xem xét. Ví dụ: những xí nghiệp chế biến thuỷ sản thì không cần thiết phải nằm ở vùng ven biển, nếu có được hệ thống giao thông phát triển để vận chuyển hải sản từ các cảng cá đến xí nghiệp và ngược lại từ xí nghiệp đến các điểm vận chuyển (đường bộ, đường ray hoặc biển). Bằng cách này, các vùng biển được sử dụng cho những mục đích khác mà tuyệt đối phải cần đặt tại các vị trí ven biển.

Tập trung phát triển ở những giao điểm: mối quan tâm tự nhiên cho những người phát triển khách sạn ven biển là mở rộng phát triển dọc theo ven biển, vì thế có thể tối đa hoá được các chương trình đầu tư nhìn ra biển. Việc lập kế hoạch cần thận được đòi hỏi để tránh những phát triển “dây dài” hoặc “chuỗi dài” song song với bờ biển mà nó không hiệu quả cho việc cung cấp những cơ sở hạ tầng cơ bản dọc dài như vậy (cung cấp nước, điện và đường xá); và cũng như đảm bảo rằng những cảnh đẹp mà thu hút đầu tư và du khách ở phía trước không bị xói lở. Nhà lập kế hoạch nên cố gắng để đảm bảo rằng bờ biển không trở thành những đường dài bị bao bọc xung quanh bởi các khu nghỉ mát bên biển.



Danh sách kiểm tra xem xét dự án Cho việc chọn vị trí

Đề cương dự án có

- Có gắn với kế hoạch sử dụng đất và các điều kiện phát triển?
- Chỉ ra rằng các chính quyền địa phương và cộng đồng địa phương được tư vấn về vị trí của vùng phát triển dự kiến ở đâu là phù hợp?
- Chỉ ra rằng những hiểu biết địa phương là đang được tìm hiểu và nhận được về các đặc điểm môi trường và tầm quan trọng về văn hoá của điểm dự kiến?
- Bao gồm cả những vùng nhạy cảm sinh thái ở bên trong hoặc xung quanh các điểm dự kiến?
- Xem xét tính khả thi của việc cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng cho các điểm dự kiến?
- Bao gồm cả những quan tâm hiện tại cũng như dự kiến và việc sử dụng đất trong vùng và bao gồm những kế hoạch để đảm bảo những sử dụng này sẽ không bị tác động ngược lại trong thời gian xây dựng và điều hành các khách sạn?
- Xem xét về diện tích đất có thể cần thiết cho sự mở rộng của khách sạn?
- Xem xét những vùng thay thế cho dự án và cung cấp những nguyên nhân hợp lý cho việc chọn lựa những vị trí dự kiến?
- Biện hộ cho nhu cầu của vị trí ven biển?
- Xem xét việc phát triển khách sạn ở những điểm dự kiến sẽ có kết quả trong việc phát triển theo dây dài hoặc là một tương lai có thể nhìn thấy trước được?



Danh sách kiểm tra xem xét Dự án Vị trí và thiết kế của các phương tiện du khách

Đề cương dự án có

- Xác định các sinh cảnh sống nhạy cảm hoặc những vùng đất nguy hại và bao gộp cả những việc đo đạc về bảo vệ như những vùng đệm hoặc vùng nằm dọc bờ biển?
- Tổng hợp những vùng nằm dọc bờ biển từ vị trí nước cao nhất để đảm bảo được tiếp cận tự do với bờ biển và bảo vệ được các công trình từ các tác động của sóng và xói lở đất?
- Đảm bảo rằng các công trình và cấu trúc xây dựng pha trộn với môi trường địa phương để tạo ra những môi trường mỹ quan?
- Gắn các điều kiện phát triển như được trình bày trong kế hoạch sử dụng đất với những chiều cao cho phép cao nhất của các công trình?
- Tối đa hoá các vùng không gian mở từ các dãy phòng và các vùng dịch vụ cho đến các vùng công cộng?
- Tối đa hoá việc sử dụng những vật liệu và sản phẩm từ các nguồn bền vững cho việc xây dựng và trang trí?
- Bao gồm cả những tiêu chuẩn quốc tế về mật độ các khu nghỉ mát và khách sạn
- Xem xét cả những vật liệu và chi phí cho công tác bảo dưỡng những trang thiết bị trong tương lai?



Danh sách kiểm tra xem xét Dự án Quản lý thảm thực vật

Đề cương dự án có

- Xác định các đặc điểm chính của các thảm thực vật hiện có và sát nhập chúng vào trong kế hoạch của vùng?
- Xác định và chỉ ra những hiểu biết về những cung cấp các dịch vụ sinh thái hiện có của thảm thực vật và đưa những kế hoạch bảo vệ chúng trong suốt giai đoạn xây dựng và điều hành?
- Xem xét lựa chọn xây dựng những trại ương giống cho những loài thực vật này và những cây mà bị chặt bỏ cho việc xây dựng, để trồng lại khi công tình xây dựng được hoàn thành?
- Thể hiện được cam kết để tránh việc đưa các loài ngoại lai vào vùng này?
- Thể hiện được cam kết trồng những cây mà đòi hỏi lượng nước thấp nhất?
- Đưa vào trong kế hoạch để sử dụng thực vật và cây lớn tạo bóng mát và những hàng rào cách biệt?

Nguồn: Tanzania Ministry of Natural Resources & Tourism. 2003. *Guidelines for Coastal Tourism Development in Tanzania*. Tanzania Coastal Management Partnership.



Danh sách kiểm tra xem xét Dự án Nước và chất thải

Đề cương dự án có

- Xác định nguồn nước phù hợp để thoả mãn nhu cầu mong đợi?
- Cung cấp các kết quả hoặc kêu gọi những nghiên cứu về mực nước ngầm trong mùa khô và mưa?
- Cung cấp đảm bảo rằng những người sử dụng nước khác sẽ không bị tác động bởi việc xây dựng và điều hành của khách sạn?
- Bao gộp kế hoạch tổng thể cho những vùng nước giếng và các hệ thống phân huỷ để loại trừ những khả năng gây ô nhiễm trong vùng hoặc từ xa?
- Đảm bảo các hệ thống phân huỷ sẽ không được rò rỉ chất lỏng vào trong các mạch nước ngầm hoặc ra biển trước khi được xử lý?
- Xem xét các lựa chọn để sử dụng những vùng đất ngập nước được xây dựng trong các thiết kế các hệ thống phân huỷ?
- Xem xét những lựa chọn bảo tồn nước mà có thể bao gồm cả nước nhà vệ sinh với mức độ thấp, vòi hoa sen, nhà vệ sinh tự hoại, thu nước mưa, hạn chế các dịch vụ giặt là hàng ngày?
- Thể hiện những cam kết thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức cho nhân viên và du khách về việc bảo tồn nước?
- Hạn chế các vùng đất cứng để nước trôi mất?

Chủ và người quản lý khách sạn có thể đóng vai trò chủ động trong việc giáo dục nhân viên và du khách về giá trị của việc bảo tồn nước. Việc huấn luyện nhân viên về việc đo đạc bảo tồn mà được tổng hợp vào trong thiết kế của khách sạn, sẽ khuyến khích họ sử dụng nước một cách hiệu quả. Nếu có hệ thống quan trắc, nhân viên có thể nhận những phần thưởng nhỏ nếu việc sử dụng nước trong thực tế ngày càng thấp hơn so với mức dự đoán ban đầu.

Càng có nhiều du khách muốn tìm hiểu các hoàn cảnh địa phương khi họ đến thăm. Việc cung cấp cho họ những thông tin cơ bản về sự khan hiếm nước và vai trò chủ động của khách sạn trong việc bảo tồn nước, sẽ làm cho họ cẩn thận hơn trong khi dùng nước. Những bảng hiệu nhỏ ở một số điểm chiến lược (phòng tắm, nơi rửa ngoài trời ...) có thể là những cách hiệu quả để truyền tải các thông điệp mà không “ép” du khách phải tuân thủ.

Nguồn: Tanzania Ministry of Natural Resources & Tourism. 2003. *Guidelines for Coastal Tourism Development in Tanzania*. Tanzania Coastal Management Partnership.



Danh sách kiểm tra xem xét Dự án Quản lý chất thải rắn

Đề cương dự án có

- Tiếp cận tiềm năng trong việc sử dụng thu nhặt rác thải địa phương và những dịch vụ phân phối?
- Xác định những vùng riêng để dùng như là bãi rác và đưa những dấu hiệu về sự chấp nhận của địa phương? bao gồm những kế hoạch để giảm thiểu và thải chất thải trong thời gian xây dựng?
- Bao gồm những kế hoạch hạn chế khối lượng rác tạo ra bởi khách sạn thông qua việc mua trong những khối lớn và sử dụng những bình có thể tái sử dụng?
- Chỉ ra rằng những nhà cung cấp và xí nghiệp đã được tư vấn những thông tin về những thiết bị vật liệu có thể tái sử dụng hoặc tái chế?
- Bao gồm những kế hoạch để tái sử dụng một số vật liệu hoặc sản phẩm nhất định?
- Thể hiện rằng cộng đồng địa phương cũng được tư vấn về các loại trang thiết bị mà họ có thể tái sử dụng?
- Bao gồm những kế hoạch để phát triển các chương trình tự hoại rác hữu cơ?
- Bao gồm những kế hoạch để đảm bảo việc lưu giữ những rác thải để tránh ruồi và những động vật ăn xác thối?
- Nhà cung cấp và những người ký hợp đồng được tư vấn về những vật liệu có thể được tái sử dụng hoặc tái chế?



Danh sách kiểm tra xem xét Dự án Năng lượng

Đề cương dự án có

- Ước lượng nhu cầu năng lượng trong khi xây dựng và điều hành, nên nhớ về cả những dao động theo mùa vụ của du khách?
- Xác định các nguồn năng lượng phù hợp, có thể là từ hệ thống dây, máy nổ hoặc những nguồn khác?
- Cung cấp các kế hoạch bao gồm cả lưu giữ các hệ thống cung cấp năng lượng trong trường hợp những hệ thống đường dây bị hư?
- Tổng hợp các đặc điểm làm mát tự nhiên ở trong vùng và thiết kế xây dựng như các kế hoạch sàn mở để tối đa hoá lưu thông khí, sử dụng các bóng mát cây xanh...?
- Bao gồm cả những kế hoạch để bảo tồn năng lượng bằng cách sử dụng những quy định tiết kiệm năng lượng, quản lý việc tuân thủ trong sử dụng năng lượng hoặc cắt điện vào một số thời gian nhất định trong ngày?
- Bao gồm cả việc phát triển chương trình nâng cao nhận thức cho nhân viên và du khách về các đo đạc bảo tồn năng lượng?
- Xem xét các lựa chọn cho các nguồn năng lượng thay thế như năng lượng mặt trời, năng lượng gió?
- Đảm bảo rằng các cối xoay gió, nếu có kế hoạch, sẽ không tác động tiêu cực làm cho chim bay mất?



Danh sách kiểm tra xem xét Dự án Mối quan hệ gắn gũi với cộng đồng

Đề cương dự án có

- Thể hiện rằng cộng đồng địa phương được tư vấn rộng rãi về dự án dự kiến?
- Xem xét tất cả các nhận xét và những cản trở từ các thành viên cộng đồng?
- Chỉ ra rằng cộng đồng địa phương được thông báo về những lợi ích mà họ có thể sẽ nhận được từ kết quả của việc phát triển này? Những lợi ích này có hợp lý không?
- Thể hiện những cam kết sẽ tuyển cộng đồng địa phương trong suốt giai đoạn xây dựng và điều hành?
- Có những chương trình huấn luyện hoặc nâng cấp cho nhân viên địa phương?
- Chỉ ra các cơ hội cho việc sử dụng những cung cấp sản phẩm địa phương, như các sản phẩm nghệ thuật, nội thất, trái cây và rau quả... được xác định bằng cách liên kết với các thành viên cộng đồng?
- Chỉ ra những cơ hội về văn hoá hoặc cộng đồng mà du lịch khai thác bằng cách phối hợp với cộng đồng địa phương?
- Thể hiện những cam kết để bảo trì hệ thống giao tiếp giữa quản lý khách sạn và cộng đồng địa phương?
- Xem xét làm việc với những người đứng đầu các cộng đồng để hình thành nên quỹ phát triển cộng đồng và tài trợ cho các xây dựng nhỏ?

Những điểm cần quan tâm khác:

- Cộng đồng địa phương có hiểu biết tốt về vai trò và trách nhiệm của họ trong việc phát triển du lịch ở vùng của họ?
- Họ có hiểu tầm quan trọng của việc duy trì môi trường an toàn và sạch cho du khách đến thưởng thức?
- Cộng đồng địa phương có hiểu và chấp nhận những thay đổi mà sẽ xảy ra khi càng có nhiều du khách bắt đầu viếng thăm vùng này?

Nguồn: Tanzania Ministry of Natural Resources & Tourism. 2003. Guidelines for Coastal Tourism Development in Tanzania. Tanzania Coastal Management Partnership.



Mẫu về mã số thực hiện

Xin được chào đón đến _____!!!

Làm ơn nhớ rằng, Bạn là khách quý. Hãy thưởng thức môi trường tự nhiên, văn hoá và sự mến khách của chúng tôi. Để làm cho chuyến viếng thăm của Bạn được tốt hơn, đảm bảo Bạn thực hiện các điểm sau:

Hãy hỏi chúng tôi nếu Bạn muốn chụp ảnh của chúng tôi – và nhớ gửi cho chúng tôi 1 bản?

Mua những sản phẩm và thủ công mỹ nghệ của chúng tôi và nhớ mặc cả giá với nụ cười.

Hỗ trợ chúng tôi bảo tồn môi trường tự nhiên bằng cách:

- Bỏ rác thải vào các thùng rác
- Chỉ ngắm nhìn những cây, hoa đẹp mà không ngắt chúng
- Xem ngắm những động vật hoang dã mà không cho chúng ăn
- Thưởng thức các sinh vật biển và các rạn san hô mà không được sờ hoặc bẻ chúng

Hỗ trợ chúng tôi bảo tồn di sản văn hoá và lịch sử của chúng tôi bằng cách:

- Chống lại những cám dỗ lấy đi các vật hoặc làm thay đổi những tượng đài hoặc vết tàn tích xưa
- Từ chối mua các vật lịch sử như các đồng tiền và đồ gốm

Tắm nắng trên những bãi biển đẹp của chúng tôi và nhớ ăn mặc đàng hoàng khi vào trong làng hoặc xuống phố.

Hỏi chúng tôi trước nếu Bạn muốn đi vào trong nhà hoặc vườn của chúng tôi.

Không cho tiền hoặc những vật đến mọi người trừ khi đó là tiền thưởng cho những phục vụ tốt

Nếu bạn muốn, đóng góp vào quỹ phát triển cộng đồng của chúng tôi. Thùng đóng góp có thể tìm thấy tại _____.

Luôn có cảm giác an toàn khi đi xung quanh nhưng nên nhớ gửi các vật có giá trị tại khách sạn hay nhà nghỉ của Bạn

Hỏi chúng tôi trước nếu bạn muốn viếng thăm trường học và trạm y tế và cho chúng tôi những lời khuyên làm thế nào để cải tiến chúng.

Ký vào quyển sổ lưu niệm du khách và đưa ra những đề xuất làm thế nào để chúng tôi có thể trở thành chủ nhà tốt hơn.

Và một điều mà Bạn không bao giờ làm:

KHÔNG quên giới thiệu với gia đình và bạn bè của bạn về một chuyến đi tuyệt vời đến _____!



Những hệ thống phân huỷ

Tất cả các chất thải ít nhất là nên được xử lý thứ cấp, nếu được là ở cấp độ 3 trước khi được thải ra ngoài đất. Hệ thống phân huỷ đơn giản sau đây có thể xử lý một cách hiệu quả các chất thải sinh hoạt và có thể là nguồn nước cho các hệ thống tưới tiêu trong các vườn cây ở các khách sạn. Đặc điểm quan trọng bên cạnh bước xử lý cuối cùng bằng cách sử dụng một số vùng đất ngập nước tự nhiên hoặc nhân tạo như là một phần của “phần rút nước” ở tầng 2 của các bể lọc nước.

Các hệ thống phân huỷ truyền thống bao gồm 3 hợp phần:

- **Bể chứa** – đây là một bể xi măng không thấm ở dưới đất để chứa những chất thải rắn và ở đó xảy ra các quá trình phân huỷ sinh học của các chất thải rắn này. Phần trên cùng của bể này là một phần không gian hở để cho một phần chất lỏng có thể tràn qua bể thứ 2. Những chất chứa nhiều mỡ (như các sản phẩm từ thịt gà) có thể làm tắc nghẽn chỗ mỡ này.
- **Bể thứ 2 với phần rút nước** (có thể được gọi là phần lọc) - Bể xi măng cứng thứ 2 với 2 lớp đá sỏi nhỏ. **Các thực vật vùng đất ngập nước** được trồng trên bề mặt vùng này. Những hệ thống rễ cây có tác dụng như những máy lọc nước tồn tại bên trong bể và hút các chất dinh dưỡng và những hợp phần không cần thiết từ nước.
- **Vườn** – Những cây bản xứ được trồng ở xung quanh vùng rút nước để tiếp tục hút những chất dinh dưỡng còn sót lại. Việc này sẽ hạn chế sự phát triển của tảo, rong rêu và những thực vật không mong muốn khác mà những dinh dưỡng thừa có thể khuyến khích chúng.

Một trong những ưu điểm chính của hệ thống này là nó không cần đến hoá chất, biomass hay năng lượng khác. Chỉ có vi khuẩn và tảo là cần thiết để loại bỏ những bùn đất trong bể phân huỷ thứ 1 và tảo xen kẽ các thực vật vùng đất ngập nước trong bể còn lại để khuyến khích sự phát triển của chúng. Những thực vật trong bể này có thể được sử dụng làm thức ăn cho động vật hoặc dùng để đan rổ, giỏ, hoặc thậm chí là làm giấy (không khuyến khích công nghiệp sản phẩm này).



Định vị các hệ thống phân huỷ

Việc định vị không đúng, thiết kế nghèo nàn hoặc bảo dưỡng không đúng kỹ thuật các hệ thống phân huỷ có thể gây nên những tác động tiêu cực do làm ô nhiễm vùng nước tầng mặt và các nguồn nước ngầm. Xem xét các bước sâu đây có thể hạn chế tối đa những tác động tiềm năng này.

1. Xem xét những vùng đang có hoặc đang xây dựng giếng, ngay cả trong vùng hoặc ở gần vùng này. Để giảm thiểu các rủi ro về ô nhiễm, các hệ thống phân huỷ cần phải được đặt ít nhất:

- Cách 30 m từ các giếng nước;
- Cách 7 từ các suối nước, đường cát hoặc các bờ đê;
- Cách 1.5 m từ các đường đi, bờ tường, công trình xây dựng hoặc những ranh giới khác, và
- Cách 3 m từ các hồ bơi hoặc các cây lớn.

Những vùng gần với các mạch hoặc các dốc mà đất ở đó xốp thì cần phải đảm bảo khoảng cách từ các hệ thống phân huỷ và các giếng nước càng phải xa hơn.

2. Đánh giá chiều sâu của các cột nước sau mùa mưa để tránh ô nhiễm. Các chất lỏng được lọc (các chất thải rắn sau khi bị phân huỷ ra) không nên cho chảy vào giếng hoặc vào các cột nước. Xác định mức cao nhất của cột nước sau những cơn mưa và định vị các hệ thống phân huỷ trên mức này để giúp loại bỏ các cơ hội nước ô nhiễm từ các nguồn nước thải.

3. Xem xét loại đất và mạch đá. Những hệ thống phân huỷ nên được đặt ít nhất là 1 m cao hơn các đá ngầm để hạn chế khả năng chất lỏng được lọc trôi dọc theo bề mặt đá vào trong các mạch nước ngầm hoặc trực tiếp ra biển.



Giếng nước – Lập kế hoạch và thiết kế

Các tiêu chuẩn hàng đầu

- Tất cả các yếu tố cần thiết đều nên được xem xét về vị trí và thiết kế của các giếng nước và các hình thức phân phối.
- Xem xét các hình thức xử lý rác thải tự nhiên và thay thế hình thức chi phí và nhu cầu ô nhiễm tiềm năng.
- Sử dụng các hình thức xoay vòng kín như ngùn ngùn của ban đầu để sử dụng cho các hoạt động của công nghiệp và sau đó để tái tạo cho việc sử dụng các công trình.
- Nghiên cứu các kỹ thuật tốt nhất để hình thức việc sử dụng nước và hình thức các chi phí đi kèm.
- Giám thị các vùng có bất kỳ một dạng hình thức nước trôi xuống các vùng khác và để tăng cường việc thẩm thấu nước.
- Theo dõi các khảo sát về nguồn nước theo các vùng ven biển để hình thành nên các cơ sở khoa học cho việc lập kế hoạch cho các phần tử của lịch.

Các hình thức quản lý thu thập vị trí và thiết kế các giếng nước

Như khi bị thu thập vị trí và việc điều chỉnh và thiết kế cần theo các hình thức cung cấp nước có thể đảm bảo để sử dụng lâu dài các nguồn nước ngọt và hình thức nhu cầu ô nhiễm tiềm năng. Các bước đi đây nên để sử dụng trong giai đoạn lập kế hoạch:

1. Đánh giá nguồn nước và xác định nhu cầu nước. Xác định nguồn nước ngọt tại vùng đó hoặc vùng xung quanh và xác định nhu cầu nước trong quá trình xây dựng và đi kèm hành vi để dự đoán lượng bao gồm nhu cầu dao động theo mùa vào mùa mưa và mùa cao điểm của du khách.
2. Xác định và điều chỉnh nhu cầu nguồn ô nhiễm tiềm năng. Các nguồn ô nhiễm tiềm năng bao gồm các nhà vệ sinh, nước thải công nghiệp, các chất thải sinh hoạt, việc rút các nguồn nước mà không phân bổ các hoạt động nông nghiệp.
3. Theo dõi các khảo sát về nguồn nước trực tiếp khi tiến hành khoan. Nghiên cứu này sẽ giúp xác định các địa điểm phù hợp nhất và để sâu của các giếng nước như giếng khoan trong lòng đất. Để xử lý các nghiên cứu nên để thực hiện trong các mùa khô để biết được gì mà cần thiết phải có thể.



4. Thiết kế kỹ thuật công nghệ xử lý nước thải và ô nhiễm. Một cách ít tốn kém và hiệu quả là lắp đặt giếng khoan đáy cát và ống dẫn. Điều này đảm bảo dòng nước ngấm trôi vào đáy giếng.

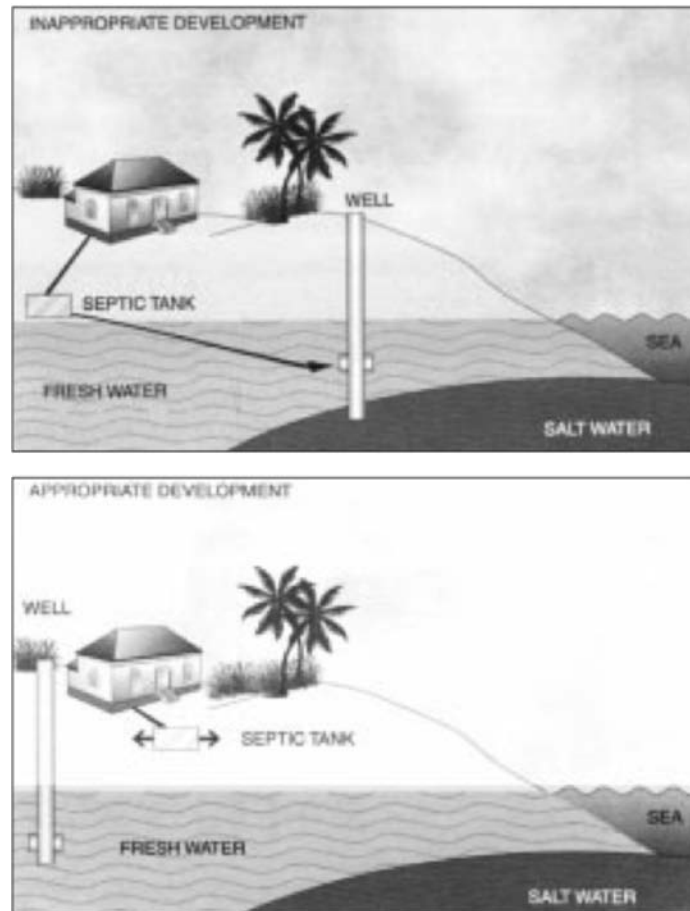


Fig. 5 Diagram of water well with horizontal tube
Siting and Design of Septic Systems

Nguồn: Tanzania Ministry of Natural Resources & Tourism. 2003. *Guidelines for Coastal Tourism Development in Tanzania*. Tanzania Coastal Management Partnership.



13 Câu hỏi chính cho tất cả những nhà cung cấp giải trí trên biển

1. Công ty của bạn có tuân thủ những quy chế và luật môi trường của quốc tế, quốc gia, vùng và địa phương không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện để hỗ trợ và giáo dục hành khách về những luật và quy chế của quốc tế, quốc gia, vùng và địa phương:

Tình huống xã hội:

- Việc khai thác cung cấp thu nhập, nhưng việc đánh bắt những loài sinh học chủ chốt có thể phá hủy hệ sinh thái và những nguyên nhân cho du khách tìm đến để câu cá.
- Việc thải rác thải ra biển tiết kiệm được tiền, nhưng việc thải những rác thải không đúng vào những vùng rạn san hô có thể phá hủy những hệ sinh thái rạn
- Việc bán cá rạn, cầu gai, nhuyễn thể và những động vật rạn khác như những vật làm trang trí hoặc thức ăn để tạo ra thu nhập, nhưng nó cũng dẫn đến sự xuống cấp các vùng rạn san hô trên toàn thế giới
- Khai thác cá nổi là để sinh lợi, nhưng việc khai thác quá mức các loại cá nổi sẽ dẫn đến sự xuống cấp các hệ sinh thái và làm giảm nguồn lợi thực phẩm cho cộng đồng địa phương.

Những hoạt động có ích:

- Nhà cung cấp giải trí trên biển có thể hỗ trợ những vùng rạn lành mạnh bằng cách tuân thủ tất cả các luật môi trường liên quan đến độc tố và sự thải rác của con người.
- Không thu hoạch những nguồn lợi để bán làm các vật trang trí
- Không sử dụng những loài có nguy cơ hoặc bị đe dọa làm thực phẩm
- Người lái tàu có thể giáo dục cho du khách về những luật cần thiết để quản lý việc thu hoạch và sử dụng cá trong những vùng nhất định và đảm bảo rằng tất cả những chuyến thực địa giải trí và câu cá đều tuân thủ những luật này

2. Công ty của Bạn có cung cấp những khoá huấn luyện, tổng kết hoặc tóm tắt tài liệu cho các nhân viên và du khách về những hoạt động môi trường tốt cho việc bơi có ống thở, lặn có khí tài, chèo thuyền độc mộc, các loại tour du lịch bằng tàu và những hoạt động giải trí trên biển khác không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện để cung cấp kiến thức giáo dục môi trường cho nhân viên và du khách:

Tình huống xã hội:

- Nhiều tác động đến các rạn san hô và những môi trường biển khác gây ra bởi sự thiếu kiến thức và hiểu biết về môi trường biển của những người cung cấp dịch



vụ giải trí trên biển và du khách.

Những hoạt động có ích:

- Nhiều nhà cung cấp các hoạt động giải trí trên biển có thể cung cấp những sách hướng dẫn huấn luyện cho nhân viên và các tờ quảng cáo và bảng hướng dẫn trên tàu cho du khách để xác định các vấn đề môi trường và nhấn mạnh những hoạt động giải trí trên biển mà có thể giảm thiểu tác động đến các rạn san hô và những môi trường biển khác.

3. Công ty của Bạn có cung cấp thông tin cho nhân viên và du khách liên quan đến những tác động tiềm năng của các tàu có động cơ và những hoạt động lái tàu thiếu kỹ thuật lên các rạn san hô và những môi trường biển khác không?

Hãy liệt kê những hành động cung cấp thông tin về những tác động tiềm năng của tàu có động cơ và những hoạt động lái tàu kém kỹ thuật đến với nhân viên và du khách:

Tình huống xã hội:

- Là một người điều hành tàu du lịch cung cấp một cuộc sống, nhưng những hoạt động lái tàu vô trách nhiệm hoặc được thực hiện một cách tồi tệ như lái vào những môi trường nước cạn, có thể gia tăng trầm tích như để rửa chân vịt và tạo sóng. Việc xáo động này có thể gây ra những phá hủy nghiêm trọng cho các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn và những môi trường biển khác.

Những hoạt động có ích:

- Để làm giảm thiểu những tác động của việc lái tàu lên các rạn san hô và những môi trường biển khác, người điều hành nên tuân thủ những tiêu chuẩn hàng hải và neo tàu thuyền.
- Tránh những động cơ chạy nhanh lớn trong những vùng rạn cạn, và
- Giáo dục khách du lịch, những người thuê tàu, về các vấn đề môi trường cần thiết và các hoạt động lái tàu phù hợp.

4. Công ty của Bạn có chủ động sử dụng và hỗ trợ sử dụng các phao neo tàu thuyền như những biện pháp thay thế cho việc neo ở các hệ sinh thái rạn san hô không?

Liệt kê những hành động được thực hiện để chủ động và hỗ trợ việc sử dụng phao neo tàu thuyền:

Tình huống xã hội:

- Việc neo tàu là thuận tiện, nhưng nếu sử dụng không đúng kỹ thuật yêu cầu thì việc neo tàu và những dây xích nối dài có thể gây ra một số phá hủy nghiêm trọng đến các hệ sinh thái rạn san hô.

Những hoạt động có ích:



- Những người cung cấp dịch vụ giải trí trên biển có thể hạn chế một cách ý nghĩa những phá huỷ do neo tàu thuyền thông qua việc sử dụng và hỗ trợ những chương trình phao neo tàu thuyền tại những vùng rạn phổ biến.
- Những công ty mà cho thuê tàu có thể cung cấp những thông tin cho du khách về những thao tác cơ bản của thủy thủ, hàng hải và địa điểm của các phao neo tàu thuyền trong các vùng biển (thông tin về những phá huỷ mà việc neo tàu có thể gây ra cho các rạn san hô) và các bản đồ không thấm nước về các vị trí phao neo tại các điểm bơi lặn phổ biến.
- Những tàu cho thuê có thể khuyến khích thả trôi ở những vùng không có phao neo.

5. Công ty của Bạn có những mã số thực hiện môi trường để hướng dẫn các hành động của những người điều hành tàu có và không có động cơ và những hướng dẫn viên du lịch khi họ đi vào vùng liên lạc hoặc nhìn thấy những sinh vật biển hoang dã như rùa, Bò biển, cá heo và cá voi?

Liệt kê những hành động tuân thủ các mã số thực hiện môi trường:

Tình huống xã hội:

- Du khách sẽ trả phí để nhìn ngắm các động vật hoang dã như rùa biển, cá heo và cá voi, nhưng vòng đời của chúng có thể dễ dàng bị khuấy động nếu việc quan sát được thực hiện không đúng. Những xáo trộn này có thể tác động đến các cặp Mẹ/con, các giai đoạn nghỉ ngơi và sử dụng thức ăn hoặc những bãi đẻ.

Những hoạt động có ích:

- Cách thích hợp nhất để xem những thú biển là giảm tốc độ từ xa để không làm thay đổi hoặc biến đổi những thói quen của động vật. Tránh tiếp cận động vật từ đầu hoặc không bao giờ đuổi chúng. 100m là khoảng cách tối thiểu cho phép thông thường để nhìn ngắm những con cá voi lớn.

6. Công ty của Bạn có thực hiện những hoạt động để ngăn chặn việc thải các hoá chất độc hoặc những chất thải khác vào môi trường không?

Liệt kê những hành động được thực hiện và những phương pháp và tiến trình được sử dụng để ngăn chặn việc thải những hoá chất độc hoặc những chất thải khác vào trong môi trường: Tình huống xã hội:

- Các vật liệu có hại như nhiên liệu và dầu có thể đe dọa độ lành mạnh của các rạn san hô và những môi trường biển khác, nhưng nó gắn liền với việc điều hành tàu.
- Thật là đắt và không cấp thiết, Bạn có thể tự bảo dưỡng máy móc hoặc bỏ quên chúng càng lâu càng tốt thì có thể tiết kiệm được tiền, nhưng có thể dẫn đến việc thải các hoá chất độc ngoài ý muốn vào trong môi trường nước.

Những hoạt động có ích:



- Bảo dưỡng tàu định kỳ và ghi lại những thông số như động cơ, bình nhiên liệu và những chỗ bị rò rỉ tiềm năng khác có thể hạn chế một cách ý nghĩa lượng chất thải ô nhiễm từ tàu vào trong môi trường biển.

7. Công ty của Bạn có thực hiện những hành động để hạn chế sử dụng và đảm bảo thải đúng cách các chất chống bám ở đáy tàu, nhiên liệu và những vật liệu gây hại khác không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện và những phương pháp được dùng để hạn chế những sử dụng các loại sơn có độc tố và những hoá chất, và đảm bảo việc thải chất thải đúng cách trong quá trình hoạt động ở ngoài biển hoặc trong thời gian lên đà:

Tình huống xã hội:

- Sơn chống bám ở đáy là hữu ích, nhưng nó có chứa những chất gây ung thư và những kim loại nặng và đe dọa độ lành mạnh của cả rạn san hô và con người mà ăn hải sản đó.
- Việc vận hành tàu có sử dụng một số vật liệu nguy hại mà chúng thường là tốn nhiều thời gian và chi phí cao để chứa hoặc thải những chất này một cách đúng đắn, nhưng nếu thải chúng một cách tùy tiện hoặc không có ý thức thì có thể làm hại đến các động thực vật biển.

Những hoạt động có ích:

- Sử dụng những sơn chống bám ở các đáy tàu mà được tạo ra từ những sản phẩm có thể phân huỷ sinh học và giảm thiểu những hoá chất gây độc so với những sản phẩm trước đây.
- Thay đổi những hoá chất sử dụng trên tàu bằng những sản phẩm thay thế có thể phân huỷ sinh học và thân hữu với môi trường
- Đảm bảo rằng tất cả những vật liệu có hại liên quan với việc điều hành tại biển hoặc sửa chữa được thải đúng kỹ thuật.

8. Nếu có thể, công ty của Bạn có sử dụng những kỹ thuật đốt sạch thay thế như động cơ 4 thì cho những tàu nhỏ hơn hoặc các nhiên liệu sinh học cho những tàu lớn hơn với các hệ thống động cơ bên trong tàu?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện hoặc những kế hoạch trong tương lai để thay thế sử dụng, những công nghệ đốt sạch:

Tình huống xã hội:

- Đây không phải là điều luôn luôn thích hợp để thay thế những máy xăng cũ mà hoạt động không hiệu quả và gây ô nhiễm, thải đến 30% lượng nhiên liệu chưa được đốt ra ngoài môi trường biển.



Những hoạt động có ích:

- Việc thay thế bằng những động cơ ít tiêu tốn nhiên liệu với những thiết kế mới hạn chế ô nhiễm trong môi trường biển một cách đáng kể
- Đối với những động cơ máy trong, việc trang bị thêm những bộ phận có thể sử dụng những nhiên liệu sinh học có thể hạn chế rất lớn những chất thải có chứa hoá chất độc ra bên ngoài môi trường biển.

9. Công ty của bạn có những bước giảm thiểu việc thải những chất thải sinh hoạt chưa được xử lý hoặc nước thải từ tàu không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện và những phương pháp được sử dụng để hạn chế việc thải những nước thải và chất thải sinh hoạt chưa qua xử lý:

Tình huống xã hội:

- Việc xây dựng những hệ thống phân huỷ hiệu quả hoặc sửa chữa cái cũ thì rất tốn kém, tuy nhiên những chất thải thô hoặc chỉ được xử lý một phần trong môi trường nước tạo ra những đe dọa đến độ lành mạnh của các rạn san hô và sức khoẻ của động vật biển và con người.

Những hoạt động có ích:

- Việc thải các chất thải thông qua bơm ra ngoài tại trạm đất liền là cách tốt nhất để giảm thiểu những tác động đến môi trường biển.
- Nếu những trang thiết bị bơm này không có, các tàu nên xử lý cơ học chất thải và với những hoá chất không độc và có thể phân huỷ sinh học để giảm thiểu những chất rắn và nguồn gây bệnh.
- Tàu nên tiến ra càng xa càng tốt trước khi tiến hành bơm ra bên ngoài để hạn chế những ô nhiễm trầm tích ở đáy, các rạn san hô và nước ven biển

Một giải pháp thay thế là các tàu có thể sử dụng những nhà vệ sinh có bể chứa để có thể chuyển sang những tàu lớn hơn hoặc bơm chuyển tại đất liền.

10. Công ty của Bạn có thực hiện những hành động để ngăn cản việc thải rác hoặc những chất thải rắn vào trong môi trường biển không?

Hãy liệt kê những hành động để ngăn chặn việc thải các rác thải hoặc chất thải rắn vào trong môi trường biển:

Tình huống xã hội:

- Đây là điều thiết thực, nhưng khi các cá nhân thải rác vào trong môi trường thì có thể tạo ra sự mất mỹ quan.
- Thật là thuận tiện để thải những bì ny-lon, dây cước câu cá, đầu lọc thuốc và những mảnh xốp ra biển, nó dường như là không có ảnh hưởng gì, nhưng trong thực tế thì hàng năm nó đã gây chết cho hàng triệu rùa biển, chim biển, cá và những thú biển khác khi chúng ăn những vật này.



Những hoạt động có ích:

- Những thùng rác ở trên tàu có thể chứa hoặc giữ các vật vào bên trong để giảm thiểu chúng bị bay xuống nước.
- Thay thế các bì ny-lon và mảnh xốp bằng những vật liệu có thể phân huỷ sinh học như bằng giấy.

11. Công ty của Bạn có hỗ trợ những hoạt động có lợi cho môi trường để tránh việc đánh bắt hoặc sử dụng những loài sinh vật có nguy cơ, đang bị đe dọa để làm thực phẩm không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện để tránh việc đánh bắt và sử dụng những loài có nguy cơ hoặc đang bị đe dọa:

Tình huống xã hội:

- Có rất nhiều lợi ích nếu giúp du khách đánh bắt những loài cá phục vụ giải trí phổ biến, nhưng quần thể của những loài này đang giảm mạnh và đang được đưa vào danh sách của những loài có nguy cơ hoặc đang bị đe dọa (như cá mú, cá nục, cá hồng, tôm hùm và cua...)
- Điều không dễ cho một người có thể làm nên những thay đổi lớn, nhưng việc khai thác quá mức đang loại dần những loài bắt mồi và ăn thịt chủ chốt từ môi trường biển.
- Mỗi một người có quyền được sống, nhưng việc khai thác quá mức đe dọa trực tiếp đến độ lành mạnh của các rạn san hô và những sinh vật hoang dã khác ở biển.

Những hoạt động có ích:

- Không thu hoạch những loài sinh vật biển đang bị đe dọa, có nguy cơ hoặc hiếm để dùng làm thực phẩm
- Thực hiện chương trình đánh bắt- và- phóng sinh
- Giáo dục du khách về những loài mà được xem là có nguy cơ, đang bị đe dọa hoặc quý hiếm ở trong vùng và chúng nên được tránh.

12. Công ty của bạn có hỗ trợ những hoạt động có lợi cho môi trường biển và giáo dục cho du khách về những tác động tiêu cực cho môi trường trong việc thu hoạch những sinh vật từ những rạn san hô và những môi trường biển khác để bán làm vật lưu niệm, trang trí không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện để hỗ trợ các hoạt động có lợi cho môi trường và giáo dục du khách về những tác động tiêu cực của việc thu nhặt các sinh vật làm vật lưu niệm, trang trí:

Tình huống xã hội:



- Việc bán những vật lưu niệm tạo ra được những thu nhập, nhưng việc thu nhặt những hợp phần sinh học quan trọng ở các vùng rạn và môi trường biển sẽ phá huỷ độ lành mạnh của hệ sinh thái.
- Việc thu nhặt những sinh vật như cá rạn, cầu gai, nhuyễn thể cho việc trang trí đang góp phần vào sự xuống cấp của các rạn san hô và những môi trường biển khác trên thế giới.

Những hoạt động có ích:

- Những nhà cung cấp các hoạt động giải trí trên biển có thể hỗ trợ cho những vùng rạn san hô lành mạnh và những môi trường biển khác bằng cách không thu hoạch các loài sinh vật biển để bán làm trang trí.
- Người lái tàu có thể giáo dục du khách về những tác động phá huỷ của việc thu nhặt các sinh vật biển làm vật lưu niệm

13. Công ty của Bạn có đóng góp vào các dự án bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong vùng địa phương đang hoạt động không?

Hãy liệt kê những hành động được thực hiện để bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong vùng địa phương của Bạn:

Tình huống xã hội:

- Đó không phải là vấn đề mà một cá nhân có thể giải quyết, nhưng sự xuống cấp môi trường và bị mất đi của đa dạng sinh học đang tác động đến tất cả các vùng trên toàn thế giới.
- Bạn không phải bắt buộc để đóng góp, nhưng những dự án bảo tồn quốc tế, vùng và địa phương đang nỗ lực bảo vệ những hệ sinh thái ở trên cạn và dưới biển đang cần những hỗ trợ thông qua các nguồn tài trợ, tình nguyện viên và những nguồn lợi khác.

Những hoạt động có ích:

- Đóng góp tài chính, hoặc hỗ trợ những trang thiết bị cho các dự án trong vùng và địa phương
- Đóng góp vào các KBTB địa phương và nơi khác, nơi mà các nhà cung cấp các hoạt động giải trí trên biển thực hiện
- Vận động những cơ quan nhà nước hỗ trợ các luật môi trường và tham gia vào các chương trình lập kế hoạch môi trường của vùng và khuyến khích những du khách đóng góp tài chính vào những dự án bảo tồn địa phương.



Source: *Managing Environmental Impacts in the Marine Recreation Sector: Self-Assessment Checklist*. Available from the Center for Environmental Leadership in Business at www.celb.org, www.toinitiative.org and www.coral.org.



Tham quan vùng rừng ngập mặn

Nhiều du khách tham quan KBTB chưa từng có những trải nghiệm về các vùng rừng ngập mặn và không có những kiến thức về vùng môi trường với nhiều bùn đỏ đảo này. Dạo bước trên các vùng triều khi triều thấp, các chuyến du ngoạn bằng tàu và bơi có ống thở khi triều lên và trên tất cả đó là việc đi bộ trên những đường đi bộ xuyên qua các rừng ngập mặn là cách tốt nhất để thăm vùng rừng ngập mặn. Tài liệu này cung cấp một số tư vấn về cách tham quan rừng ngập mặn cho các mục đích giải trí và giáo dục và làm thế nào để xây dựng và quản lý đường đi bộ này.

DẠO CHƠI, BƠI CÓ ỐNG THỞ VÀ NHỮNG CHUYẾN TÀU

Những loài cua, những loài chim lội trong nước và những loài chim đang bắt mồi là một trong số những cư dân xuất hiện nhiều nhất ở những vùng rừng ngập mặn vào lúc triều xuống. Ở nhiều nước, ngư dân địa phương làm những con đường đi bộ xuyên qua rừng ngập mặn cho việc đi lại và nó thường là liên kết với những con đường ven biển vào lúc triều thấp. Mặt khác, những con đường có thể được thiết kế với những đá sỏi nhỏ để tránh bị lún bùn. Một số dây treo trên đường đi có thể được tạo ra trên những tuyến đi giúp cho người sử dụng xuyên qua vùng thú vị này và đưa người đi bộ trở lại với những con đường chính xa hơn. Nên tránh việc phá hủy cây cối, khuấy đảo những vùng nước rút tự nhiên và xáo trộn những hệ động vật trong lúc làm những con đường này.

Bơi có ống thở có thể là những trải nghiệm được ưa thích trong những lúc triều cường lên dần dần, khi mà nước còn trong và các hoạt động của cá và động vật không xương có thể được quan sát. Những vùng nước trong chỉ tìm thấy ở một số vùng như ở một số con lạch nhỏ hoặc ở một số nơi cách xa đảo, cách xa những dòng sông giàu trầm tích. Luôn cẩn thận để tránh làm đổ gãy những cành cây hay các vùng rễ cũng như tránh làm tổn thương bản thân do chạm vào những động vật nhạy cảm như hàu, hào...

Bất chấp độ trong của nước, những chuyến tàu xuyên qua các rừng ngập mặn vào lúc triều cường là cách thích thú và thoải mái để xem cây, chim và những loài cá. Chèo xuồng độc mộc là cách tốt nhất; những tàu có động cơ nên cố gắng giữ tiếng ồn thấp và giảm thiểu những ô nhiễm từ nhiên liệu.

CÁC LỐI ĐI CÓ LÓT VÁN XUYÊN QUA RỪNG NGẬP MẶN

Việc đi bộ xuyên qua rừng ngập mặn bằng các bục được xây dựng có mục đích hoặc lối đi có lót ván bắt qua là cách đơn giản nhất, an toàn nhất và có khả năng tiếp cận lớn nhất cho du khách. Những con đường đi bộ (thường được làm bằng gỗ) cung cấp những lối đi qua nước và bùn để cho phép tiếp cận ngay cả những lúc triều cao hay



thấp. Sàn đường đi có thể dùng cho người đi bộ, xe đạp, xe lăn cũng như xe đẩy của trẻ em.

Nguồn: Managing Marine Protected Areas: A Toolkit for the Western Indian Ocean



Tham quan vùng rạn san hô

LN CÓ KHÍ TÀI VÀ BI CÓ NG TH

Người lặn và bơi có thể gây ra những phá huỷ do việc làm gãy san hô hoặc khuấy đảo trầm tích và quấy rối đời sống sinh vật sống ở rạn. Việc làm gãy các rạn san hô là vấn đề chủ yếu do việc điều khiển độ nổi kém, sự ca chạm không cẩn thận của các chân vịt và một số đứng trên các rạn này. Những nhà nhiếp ảnh dưới nước và những người mới học lặn có thể có những tác động lớn hơn, nhưng những người lặn kinh nghiệm cũng làm vỡ san hô khi họ muốn bơi đến gần các rạn san hô. Tuy nhiên, các nghiên cứu đề xuất rằng phần lớn những người lặn và bơi có ống thở có những tác động tiêu cực nhỏ và chưa có những dẫn chứng rằng họ gây ra sự suy giảm tính đa dạng hoặc phong phú của san hô.

Nhiều KBTB đã có những mã số thực hiện để hướng dẫn những người bơi và lặn này. Ví dụ: ở Brazil, các hướng dẫn được soạn thảo thông qua các hội thảo quốc gia. Những người điều hành tàu lặn trong KBTB nên được đòi hỏi thực hiện những hoạt động tốt nhất. Những hoạt động này bao gồm: đảm bảo các trang thiết bị được an toàn như máy đo áp lực và kiểm tra độ nổi trước lúc lặn; không khuyến khích người lặn sử dụng gắng tay để sờ, chạm vào sinh vật biển; và tránh xa các vùng rạn khi thực hiện các hoạt động thực hành (như điều khiển độ nổi, bơi bằng ống thở cho những người mới học). Những người mới lặn nên thường xuyên đi cùng với người đã có kinh nghiệm. Dẫn dò trước lúc du khách xuống nước để hạn chế những phá huỷ đến các rạn san hô và cũng nên có sự theo dõi. Nếu cần có điểm xuống là từ bãi biển thì nên bắt đầu cách xa rạn san hô. Giám sát những tác động của khách bơi và lặn và nên giới hạn số lượng người, nếu có sự tăng lên về độ vỡ san hô và các khuấy động khác. (Xem ở tài liệu J2).

NHNG ĐNG MÒN DI NC

Dù được hướng dẫn hay không, những đường mòn ở dưới nước được dùng để nâng cao giá trị cho du khách. Chúng nên được thiết kế để không tập trung nhiều người tại một vị trí cố định để có thể gây ra những phá huỷ. Ở KBTB Great Barrier Reef, những trạm nghỉ (như phao nổi để người bơi có thể nắm vào) được lắp đặt. Nếu những dấu hiệu ở dưới nước được sử dụng, chúng nên đặt ở những nơi có ít san hô hoặc những vùng đáy cát. Chúng thường là khó để đọc, đặc biệt với một số người không thể ngụp lặn, và cần phải làm sạch các rong rêu và những sinh vật bám định kỳ; những con số làm dấu, những bảng thông tin di chuyển không thấm nước có thể là những cách để chuyển tải thông tin được tốt hơn. Du khách nên được giới thiệu trước về các đường mòn này, số lượng du khách và kích cỡ của các nhóm du khách có thể cần được hạn chế một cách thường xuyên hoặc nên đóng cửa của các đường mòn một cách định kỳ để bảo dưỡng. Những đường mòn nên được đặt ở những nơi có ít sóng và dòng chảy yếu



để đảm bảo được an toàn và ở những vùng có độ sâu nhất định để tránh những phá huỷ của các chân vịt, nhưng cũng nên ở nơi có độ sâu vừa phải để có thể nhìn thấy tốt; độ sâu thấp nhất được đề xuất là 2.2m.

ĐI BỘ TRÊN RẠN

Nếu một đường mòn thân thiện với môi trường có thể lắp đặt được ở những vùng bằng phẳng để có thể cung cấp được những hoạt động giáo dục và hưởng thụ, đặc biệt là những du khách mà không muốn bơi hoặc lặn. Tuy nhiên, việc đi bộ trên rạn này không nên khuyến khích nếu nó có thể gây ra những phá huỷ do việc giẫm đạp lên. Những tác động này có thể được hạn chế nếu các đường mòn có thể được đặt ở những lối đi hiện có (như thường được ngư dân sử dụng), các vùng cát và những vùng mà không có san hô sống. Chúng nên được đánh dấu và du khách có thể được đòi hỏi để đi bộ theo một đường nhất định, không đi lung tung. Họ nên có những đôi giày phù hợp và sử dụng cây gậy để giữ thăng bằng (nhưng không dùng nó để chọc phá sinh vật). Nếu nhặt những sinh vật để thuyết minh thì sau đó đặt chúng trở lại vị trí cũ; không được nhặt những sinh vật bám trên các bề mặt rạn.

XEM VÀ CHO CÁ ĂN

Những cá rạn sắc sỡ và những loài cá lớn bí ẩn thường là rất được du khách quan tâm và có thể quan sát thấy một số trong chúng bằng tàu đáy kính. Việc hướng dẫn được xem là tạo thêm những thích thú cho du khách và rất nhiều khách lặn muốn tham gia vào các chương trình giám sát (xem tài liệu D3). Để tăng lên số lượng và hoạt động thì việc cho cá ăn không được khuyến khích vì chúng thường làm phá vỡ những thói quen bình thường, một số có thể làm cho cá trở nên hung dữ và cũng có thể làm cho cá thay đổi phổ thức ăn. Nếu cần thiết, vùng cho ăn nên được thực hiện ở một nơi tách biệt với vùng khai thác và nghiên cứu, và không được tiến hành cho ăn khi có người ở trong nước. Chỉ nên được thực hiện bởi những nhân viên đã qua đào tạo. Thức ăn nên được thả cho ăn thay vì là cho ăn trực tiếp bằng tay và chỉ có một số lượng giới hạn cá thô hoặc cá đã cắt nhỏ (tối đa là 1kg/ngày/vùng).

TÀU ĐÁY KÍNH

Rủi ro lớn nhất từ tàu đáy kính là những phá huỷ cơ học đến rạn san hô từ việc neo tàu và điều hành ở vùng nước nông. Người lái tàu nên được huấn luyện và phải hiểu tầm quan trọng của việc tránh san hô và tàu cũng cần được bảo dưỡng tốt (xem tài liệu F5) và các phao neo nên được lắp đặt gần những vùng rạn được xem phổ biến (xem tài liệu F9).

Nguồn: Managing Marine Protected Areas: A Toolkit for the Western Indian Ocean



Các điểm nhấn cho việc phát triển phân vùng cho các KBTB

- Việc phân vùng quản lý là một quá trình nguyên tắc để xác định ra các **điều kiện trong tương lai**. Trừ phi những điều kiện hiện có là những gì được mong muốn trong tương lai, **việc phân vùng không nên mô tả những điều kiện hiện có**. (việc phân vùng những điều kiện hiện có mà không là những điều kiện trong tương lai sẽ duy trì hiện trạng mà thông thường sẽ không giải quyết được những tác động do việc sử dụng của du khách hiện tại và trong tương lai).
- Việc phân vùng không nên là một quá trình độc đoán hoặc chỉ dựa vào quan điểm của người lập kế hoạch hoặc những nhân viên KBTB. Nên có một sự lý luận hay một tầm nhìn về một tương lai mà có thể hướng dẫn cho chương trình phân vùng. Nếu không có một khái niệm thống nhất, những quyết định về phân vùng không thể được giải thích hoặc quyết định. Những nguyên nhân cho việc phân vùng ở những vị trí khác nhau nên được ghi lại như là một phần của quá trình.
- Các vùng quản lý nên có ranh giới mà có thể được phân biệt ở hiện trường. Những dòng sông, suối, các đặc điểm địa hình, dạng đất, đường xá và những đặc điểm có thể xác định được khác nên được sử dụng để làm ranh giới.
- Không có giới hạn thấp nhất về diện tích của một vùng có thể quản lý; tuy nhiên, không nên tạo ra những vùng mới với những tỷ lệ nhỏ so với KBTB và dùng cho một đặc điểm riêng rẽ. Nếu cần thiết, nên xác định những chiến lược quản lý cho một vùng nhỏ được đặt trong vùng lớn hơn.
- Hình dáng của các vùng trên bản đồ có thể dao động tùy thuộc vào nguồn lợi, trải nghiệm của du khách và những chiến lược quản lý. Một số vùng có thể hẹp hoặc theo đường thẳng như những vùng tiếp theo các hành lang giao thông hoặc những con sông; những vùng khác có thể có hình đa giác rộng hơn.
- Khi áp dụng phân vùng, nhóm lập kế hoạch nên xem xét việc sử dụng các vùng đất bên ngoài của KBTB. Nếu có thể mở rộng, việc phân vùng của KBTB nên tương thích với việc sử dụng đất trong những vùng xung quanh KBTB.



Tên vùng	Mục đích chung (những tri thức, kỹ năng, thái độ, hành vi, sự thay đổi nhận thức, hành vi...)	Mô tả vùng (các thuộc tính sinh-lý, xã hội và hành chính)	Vị trí & ranh giới vùng	Quy luật, quy chế & các chính sách quản lý



Dự kiến phân vùng cho Vườn Quốc gia Galapagos, Ecuador

Nông thôn. có thể bao gồm cả những vùng xung quanh của Vườn, nơi mà Vườn đang làm việc với các chủ đất tư nhân để phát triển một số hoạt động như các tour “lava tubes” ở Santa Cruz hoặc equestrian và những đường mòn đi xe đạp ở những nơi giao thoa không rõ giữa Vườn và đất tư nhân.

Giải trí/phát triển mạnh. có thể bao gồm những vùng giải trí đã được phát triển trong Vườn gắn với các cộng đồng địa phương hoặc các điểm liên quan đến Vườn nhưng nằm trong các cộng đồng. Vùng này có thể bao gồm cả những trạm gác, trung tâm du khách, cảng hoặc các phương tiện giao thông và những điểm khác mà bao gồm cả nhân viên và các hoạt động của vườn và được thiết kế cho một số lượng lớn du khách.

Tự nhiên/phát triển mạnh. sẽ bao gồm các điểm tham quan với các sinh vật hoang dã, hệ sinh thái, tự nhiên, hoặc các giá trị lịch sử văn hoá đặc biệt. Mức độ sử dụng cao hơn có thể được cho phép (kích cỡ nhóm du khách có thể phụ thuộc theo từng điểm, nhưng thường là cho những nhóm có kích cỡ lớn hơn) tại các điểm dao động theo khoảng cách từ những vùng cảng.

Tự nhiên/phát triển ít. nên bao gồm những vùng với các sinh vật hoang dã, hệ sinh thái và các giá trị văn hoá - lịch sử đặc biệt với nhiều khó khăn về nguồn lợi hơn (tùy theo từng điểm), giới hạn nhóm đến những nhóm nhỏ hoặc tùy điều kiện cho phép mà ở đó có những hoạt động nhẹ nhàng và ít căng thẳng hơn.

Bán nguyên sơ. những vùng hoặc bãi biển ở vùng xa thường là ở trên những hòn đảo lớn, có thể rộng hơn 1 dặm từ một con đường hoặc vùng biển. Những vùng này đòi hỏi phương tiện đi lại là động vật, tàu không động cơ hoặc đi bộ. Có nhiều rủi ro, và đòi hỏi nhiều kỹ năng. Sự thúc ép về nguồn lợi rất thấp để tiết chế. Sự bắt gặp những du khách khác là thấp và có sự cho phép hoặc hướng dẫn của bộ phận phục vụ của Vườn hoặc đòi hỏi có những hướng dẫn viên đặc biệt (vùng này có thể sẽ là một vùng mới của Vườn Quốc gia Galapagos)

Cổ xưa/khoa học. Những đảo hoặc một phần của đảo mà các giá trị hệ sinh thái là cao nhất với rất ít hoặc không có những loài ngoại lai. Thông thường là những vùng xa và không có một số khó khăn về nguồn lợi. Du khách thường rất hạn chế và không thường tách xa các nhà khoa học. Đòi hỏi một số giấy phép trước và những hướng dẫn viên được huấn luyện một cách đặc biệt về một số kỹ thuật các tác động thấp. Có thể có rất nhiều quy chế nghiêm ngặt.

Hoàn thành mô tả Vùng bán nguyên sơ mới được dự kiến:

Mục tiêu quản lý: để cho phép những du khách tự thoả mãn những trải nghiệm cá nhân (sử dụng những kỹ năng hiện trường trong các điều kiện tự nhiên) để tiếp cận một phần của Vườn, nơi mà nhiều đặc điểm tự nhiên và giá trị tồn tại, nhưng các mối lo ngại về việc giới thiệu loài đang được đề cao ở đây và có thể được điều khiển dễ dàng hơn do có các trạm gác ở quanh đó. Và cũng để hạn chế áp lực lên những vùng tự nhiên/phát triển mạnh bằng cách phân tán các cơ hội cho du khách muốn có những tour khác được hướng dẫn truyền thống.



Cơ hội trải nghiệm và hình thành các thuộc tính/hoạt động: việc đạp xe đạp, cắm trại, chèo xuồng ở biển, leo núi lửa, xem động vật hoang dã và nghiên cứu tự nhiên. Đây là cơ hội để sử dụng những kỹ năng thực địa, giải quyết những rủi ro và thách thức và đòi hỏi có sức chịu đựng thể lực tốt.

Đặc điểm cơ học: vùng xa, thông thường cách các điểm du khách truyền thống hoặc các hành lang giao thông đến vài dặm, ở những vùng địa hình tự nhiên và có thể có sự giao thoa của một số loài đặc hữu và một số loài ngoại lai, nhưng có rất ít những dấu vết các hoạt động của con người. Những núi được bao phủ, những khu rừng bụi rậm hoặc những bãi biển ở xa có thể được tìm thấy ở những vùng này.

Đặc điểm xã hội: Các nhóm du khách thường không nhiều hơn 5 người và các đường mòn và các điểm cắm trại sẽ có cấp phép theo điểm, do đó sự va chạm của 2 nhóm không thể được lặp lại trong thời gian 2 ngày.

Đặc điểm quản lý: Những giấy phép được đòi hỏi và được cấp theo quy định ai đến trước được phục vụ trước. Những hành trình được chuẩn bị và các điểm cắm trại đều được chỉ định. Thời gian ở lại là từ 1 -2 ngày tại mỗi điểm. Có những đợt tuần tra thường xuyên, nhưng việc liên lạc của họ với du khách là tùy theo nhu cầu hoặc khi cần thiết. Trước khi vào vùng này thì các du khách sẽ được xem một băng video 15 phút về những kỹ thuật có tác động thấp và những quy chế ở vùng sâu cũng như trải qua kiểm tra những dụng cụ có thể mang những loài ngoại lai và những trang thiết bị phù hợp.

Chương trình phân vùng cho Vườn Quốc gia El Imposible, El Salvador

Vùng sử dụng mật độ cao

Mục tiêu chung: Cung cấp những cơ hội giáo dục và giải trí trong môi trường bán tự nhiên nhưng với mật độ tập trung cao của du khách; cung cấp những cơ hội kinh tế cho cộng đồng địa phương.

Mô tả: Vùng này chứa những điểm tự nhiên hoặc bị thay đổi mà có các thu hút văn hoá hoặc tự nhiên và những cảnh đẹp đặc biệt. Địa hình của nó cho phép một số phương tiện giao thông tiếp cận và các phương tiện hỗ trợ. Mặc dù những vùng này nên được duy trì càng tự nhiên càng tốt, sự tập trung cao của du khách và những phương tiện được chấp nhận bao gồm nhà vệ sinh, các đường mòn thuyết minh, các con đường có phương tiện giao thông của Vườn, trung tâm du khách và các điểm dã ngoại và cắm trại. Sự hiện diện công tác quản lý tại vùng này sẽ là ưu tiên cao để duy trì các tác động ở mức có thể chấp nhận được.

Luật và Quy chế:

1. Du khách sử dụng vùng này có ít hạn chế hơn về việc trả phí vào cổng so với những vùng khác
2. Đốt lửa trại chỉ được cho phép duy nhất trong vùng này với những địa điểm đã được thiết kế



3. Thu nhặt củi bị cấm trong vùng này
4. Sử dụng dầu gội bị cấm ở vùng sông.

Vùng sử dụng vừa phải

Mục tiêu chung: cung cấp những cơ hội giải trí và giáo dục về môi trường tự nhiên với mật độ tập trung vừa phải của du khách.

Mô tả: về cơ bản bao gồm những điểm tự nhiên nhưng có một số vùng có sự can thiệp của con người; bao gồm đại diện của một số đặc điểm văn hoá và tự nhiên có ý nghĩa. Phục vụ như vùng chuyển tiếp giữa vùng có mật độ du khách cao và những vùng có những sử dụng cộng đồng thấp. Những phương tiện này sẽ không có cùng một mức độ phát triển như trong vùng sử dụng mật độ cao. Địa hình sẽ hạn chế một số sử dụng công cộng và vì thế mà vùng sẽ đòi hỏi ít quan tâm của nhân viên Vườn Quốc gia.

Luật và Quy chế:

1. Các điểm cắm trại với những trang thiết bị tối thiểu được cho phép.
2. Những vùng Los Enganches, Mirador La Algodonera-Rio Mixtepe chỉ được tiếp cận khi được cho phép và có hướng dẫn viên
3. Tất cả các rác thải phải được du khách thu dọn chuyển đi
4. Các điểm đốt lửa trại bị cấm ngoại trừ một số hoàn cảnh đặc biệt.

Vùng sử dụng nguyên sơ

Mục tiêu chung: bảo vệ môi trường tự nhiên của Vườn cao nhất và cung cấp một số cơ hội giải trí được quy định bởi những tác động môi trường thấp nhất và có gặp mặt một vài nhóm.

Mô tả: chứa những điểm tự nhiên với những can thiệp thấp nhất của con người. Có một số hệ sinh thái độc đáo, một số loài động thực vật có giá trị khoa học cao mà có thể chịu đựng những sử dụng hạn chế của những nhóm nhỏ. Đường xá, đường mòn được cải thiện và những cơ sở hạ tầng cho du khách bị loại ra khỏi vùng này.

Luật và Quy chế:

1. Sử dụng cộng đồng bị hạn chế cho một số nhóm đặc biệt mà đòi hỏi có sự cho phép trước và được giám sát bởi nhân viên Vườn.
2. Các điểm cắm trại chỉ được cho phép ở một số điểm được thiết kế bởi ban quản lý của Vườn.
3. Các nhóm du khách bị giới hạn đến số lượng cao nhất là 6.
4. Các điểm đốt lửa trại không được cho phép.



Những hoạt động được cho phép hay bị giới hạn ở những Vùng bảo vệ di sản Đảo Rùa

Các Hoạt động	RZ	HMZ	SPZ
Tiếp cận			
Chèo thuyền	Có	Có	Có
Lái tàu có động cơ	Có	Có	Không
Du thuyền	Giới hạn	Giới hạn	Không
Phao neo tàu thuyền	Giới hạn	Giới hạn	Không
Các hoạt động du lịch			
Xem bãi đẻ của rùa	Có	Không	Không
Xem chim	Có	Có	Không
Đánh giá cao môi trường	Có	Có	Không
Khám phá núi lửa	Có	Có	Không tồn tại
Chụp ảnh vào ban ngày	Có	Có	Không
Chụp ảnh ban đêm	Giới hạn	Không	Không
Dã ngoại	Có	Giới hạn	Không
Đi lại trên đảo	Có	Giới hạn	Không
Lặn có khí tài	Có	Giới hạn	Không
Bơi có ống thở	Có	Có	Không
Bơi	Có	Có	Không
Chèo thuyền độc mộc	Có	Có	Không
Lướt sóng	Có	Không	Không
Phát triển cơ sở hạ tầng			
Nhà hàng	Có	Giới hạn	Không
Lều	Có	Không	Không
Quầy hàng lưu niệm	Có	Giới hạn	Không
Nhà vệ sinh	Có	Giới hạn	Không
Trung tâm thông tin du khách	Có	Có	Không
Cải thiện các chuyến di chuyển hàng không	Có	Không	Không
Hệ thống thải chất thải rắn	Có	Giới hạn	Không
Phương tiện xử lý rác thải	Có	Có	Không
Cầu cảng	Giới hạn	Giới hạn	Không
Bệ ngắm	Có	Giới hạn	Không
Đường mòn	Có	Giới hạn	Không
Các bảng chú thích	Có	Giới hạn	Không

RZ – Vùng giải trí; HMZ – Vùng quản lý sinh cảnh sống; SPZ- Vùng quản lý giới hạn

Nguồn: Hüttche, Carsten M., Alan T. White, Ma. Monina M. Flores. 2002. *Sustainable Coastal Tourism Handbook for the Philippines*. Coastal Resource Management Project of the Department of Environment and Natural Resources and the Department of Tourism, Cebu City, Philippines.



Điểm điển cứu: Vườn quốc gia Bunaken: Sự tham gia quản lý trong phân vùng

Vườn Quốc gia Bunaken, nằm ở phía bắc của Sulawesi, có diện tích 89.000 hecta bao phủ 6 đảo và vùng ven biển. Có sự đa dạng về các sinh cảnh sống ở biển và ven bờ bao gồm những rạn san hô và rừng ngập mặn rộng lớn, thêm vào đó là các loài như Bò biển, Rùa biển, Trai tai tượng và một số loài thuộc cá vây tay. Có một số vùng lặn có khí tài thuộc loại tốt nhất của khu vực Đông Nam Á và cung cấp kế sinh nhai cho khoảng 20.000 cư dân ở các cộng đồng địa phương.

Phần chính của Vườn được công nhận cấp tỉnh vào năm 1980, và được nhập với vùng phía nam vào năm 1991. Quá trình lập kế hoạch sớm của Vườn là một quá trình tranh luận giữa chính quyền tỉnh, các nhà điều hành lặn và chính quyền trung ương (Đại diện bởi Bộ Lâm nghiệp). Các cộng đồng địa phương ở đây một bên liên quan quan trọng, đã không được tham gia vào quá trình này.

Mối quan tâm cơ bản của chính quyền tỉnh là phát triển du lịch, là do sự hiểu nhầm trong một thời gian dài rằng giá trị du lịch của Vườn được đánh giá cao hơn nhiều so với giá trị của nó đối với cộng đồng ngư dân địa phương. Hơn thế nữa, có một niềm tin rằng Vườn Quốc gia có thể phù hợp cho việc phát triển du lịch bãi biển đại chúng như ở Bali, cho dù những bãi biển bên trong Vườn thì nhỏ và không phù hợp cho những mục đích này. Các nhà điều hành lặn đã dựa vào các vùng bên ngoài Vườn và vận động cấm các hoạt động du lịch bên trong vùng do lo lắng rằng ai có được quyền sử dụng bên trong Vườn thì có được những thuận lợi lớn. Mục đích cơ bản của chính quyền trung ương là bảo tồn. Vì thế, 3 bên đã có những mục đích không tương thích nhau. Bên cạnh đó, tất cả 3 bên này đều xem cộng đồng địa phương là những mối ngăn cản mà đóng góp vào việc phá hủy các rạn san hô kể từ khi rạn được “phát hiện” vào những năm giữa thập kỷ 1970.

Trong năm 1991, các vùng ở phía Bắc và Nam được gộp vào một Vườn riêng và quá trình lập kế hoạch quản lý mới được bắt đầu với sự phối hợp của USAID - tổ chức này đã khuyến khích một cách chủ động sự tham gia của cộng đồng địa phương. Nhanh chóng nhận ra rằng do cộng đồng địa phương có những hoạt động sử dụng được hình thành trong thời gian dài, nên cần khẩn cấp đưa họ tham gia vào việc lập kế hoạch và quản lý. Có sự xem xét không công bằng rằng nên đưa họ ra bên ngoài phạm vi của vườn (như được dự kiến bởi chính quyền trung ương và địa phương) cho dù trải qua hàng trăm năm sử dụng mà các vùng này vẫn ở trong điều kiện tốt. Thực tế, có một số dấu hiệu là các rạn đã bị phá hủy kể từ những năm của thập kỷ 70 là do du lịch chứ không phải những sử dụng của cộng đồng.



Trải qua quá trình lập kế hoạch với sự tham gia của các bên liên quan này, 4 phân vùng đã được hình thành:

- (1) Vùng lõi (vùng bảo vệ). là những vùng có áp lực lớn từ cộng đồng do có vị trí khá gần các làng dân cư. Nguyên nhân là cộng đồng dân cư có thể giám sát một cách hiệu quả hơn và ngăn chặn được một số vi phạm quy chế của vùng.
- (2) Vùng lặn: có sự cân bằng không chính thức đã được thiết lập giữa những vùng lặn và vùng khai thác trước khi có sự phân vùng chính thức; điều này được dùng một cách cơ bản để phát triển những vùng này.
- (3) Vùng sử dụng truyền thống cho những sử dụng hạn chế của các cộng đồng địa phương; được thực hiện chính ở những vùng rạn phẳng.
- (4) Vùng sử dụng cho những nghề khai thác thủy sản vừa và nhỏ. Nó bao gồm những vùng biển khơi nằm trong vườn nhưng có vị trí cách xa rạn ít nhất 200m.

Kết quả phân vùng này trở nên phức tạp hơn về mặt không gian so với những nỗ lực ban đầu của nó do có nhiều vùng có diện tích thực tế nhỏ hơn. Tuy nhiên, kinh phí cho giáo dục cộng đồng và cưỡng chế được giảm bớt bởi vì tất cả các bên liên quan đã được “đưa vào” trong kế hoạch này. Các cộng đồng địa phương bây giờ giúp chia sẻ quyền và trách nhiệm cho việc quản lý bền vững của Vườn thông qua các cam kết bảo tồn với cộng đồng mà bao gồm cả phạm vi và loại hoạt động của những vùng đệm.

Sự hỗ trợ của các nhà điều hành lặn cũng được tăng lên. Năm 1991, sự tranh đua giữa các nhà điều hành lặn đã cản trở những cố gắng để xây dựng các hoạt động quản lý tốt. Chương trình lắp đặt phao neo tàu thuyền bắt đầu vào 1993 đã bị thất bại do những sự ganh đua này. Tuy nhiên, từ 1996 khi có một số khách sạn 4 sao với các nhà điều hành lặn chuyên nghiệp được khai trương. Các khách sạn và những công ty lặn này dựa vào Vườn để đảm bảo thành công về tài chính và họ đã phối hợp để hỗ trợ các chương trình quản lý bảo tồn của Vườn. Ban quản lý Vườn và các công ty lặn đã hình thành nên các mối quan hệ để hỗ trợ nhiều hoạt động bảo tồn. Mối quan hệ này bao gồm sự phát triển và tuyên truyền các thông tin cũng như các chương trình phao neo tàu thuyền mới. Một hệ thống phí sử dụng chính thức được thiết kế. Trong khi đó, các nhà điều hành lặn bắt đầu thu phí hội viên hàng tháng, được tài trợ cho Vườn để chi phí cho công tác tuần tra và giáo dục cộng đồng.

Tuy nhiên, nhu cầu về quản lý có điều chỉnh và chủ động diễn ra liên tục khi có những thay đổi xảy ra. Trước tiên, sự tăng nhanh của các trại trồng rong tạo ra một sự thay đổi nhanh trong việc quản lý nguồn lợi địa phương. Kết quả là hạn chế được áp lực khai thác nguồn lợi trong Vườn do nhiều ngư dân chuyển sang nuôi trồng rong, nhưng nó lại tăng áp lực lên các rừng ngập mặn. Điều quan trọng cho Vườn là hỗ trợ các đầu tư kinh tế cho các cộng đồng nghèo và đảm bảo những hỗ trợ của họ cho những mục đích kinh tế rộng lớn hơn. Vì thế, nhân



viên của Vườn đang cố gắng hạn chế các tác động tiêu cực của các trại rong, nhưng đồng thời cũng khuyến khích những tác động tích cực của nó. Sự phát triển thứ 2 là sự xuất hiện những nhà điều hành du lịch mới là những người không tham gia vào việc lập kế hoạch ngay từ đầu. Điều thứ 3 là sự khủng hoảng kinh tế ở Indonesia đã kéo theo sự thu giảm nguồn tài chính quốc gia cho Vườn và kéo theo những hoạt động khai thác có tính huỷ diệt của những người bên ngoài. Thứ 4 là việc phân quyền của chính phủ Indonesia có thể tác động đến hiện trạng pháp lý của Vườn.



Quá trình được đề xuất cho việc thiết lập hệ thống phân vùng du lịch

Bước 1: Đề cập đến kế hoạch quản lý chung (GMP) cho việc phân vùng, những vị trí và những vùng đặc biệt nơi mà du lịch có thể là một chiến lược phù hợp. Nói chung, GMP nên là một hướng dẫn quan trọng nhất cho việc phát triển bất cứ hoạt động nào trong vùng bảo vệ.

Bước 2: xây dựng được bản đồ cơ bản của những điểm bảo vệ và du lịch sinh thái. Bản đồ nên đủ rộng để bao gồm toàn vùng, nó cũng cần phải chứa những thông tin chi tiết đầy đủ để cho bạn xác định được các điểm thu hút và những cơ sở hạ tầng riêng liên quan với những đặc điểm cơ học có ý nghĩa như sông, suối, núi và đồi, rừng, các thảm thực vật bị thay đổi và những vùng đất nông nghiệp....Nếu hệ thống phân vùng đã tồn tại, thì bản đồ nên bao gồm những vùng này và ranh giới của nó. Định vị những điểm có môi trường nhạy cảm.

Bước 3: Định vị trên bản đồ những điểm nhạy cảm về môi trường.

Bước 4: Xác định những cơ sở hạ tầng mới nên được đặt ở đâu, như các đường mòn, vùng cắm trại, trung tâm du khách, trạm gác và các lều sinh thái. Xem xét về loại hoạt động và hiện trạng mà du khách mong muốn có được tại những điểm này (như nhóm nhỏ, nhóm lớn, ít va chạm với các du khách khác...)

Bước 5: So sánh những vùng dự kiến thu hút du khách và cơ sở hạ tầng với những vị trí các điểm nhạy cảm về môi trường cũng như việc phân vùng hiện tại. Có những mâu thuẫn thực tế và tiềm năng không? Nếu những điểm du khách này được đặt tại những vùng gần các điểm nhạy cảm về môi trường, các hoạt động quản lý có thể đảm bảo rằng những tác động của du khách sẽ không xảy ra, hoặc sẽ nằm trong giới hạn có thể chấp nhận được không? Hệ thống phân vùng hiện tại có tương thích những gì mà Bạn đang dự kiến cho những sử dụng của du khách không?

Bước 6: Xác định các điểm thu hút du khách và cơ sở hạ tầng cuối cùng, sau khi đánh giá mối quan hệ của những điểm thu hút du khách với các hiện trạng mâu thuẫn tiềm năng. Những vùng này nên được điều chỉnh bởi việc tham quan vùng.

Bước 7: Chuẩn bị hệ thống phân vùng sơ khởi bao gồm những đề xuất cho các vùng sử dụng của du khách. Vùng sử dụng mật độ cao có thể được thiết kế lại tại những vị trí mà có mật độ tập trung du khách cao như trung tâm du khách, vùng cắm trại...; Vùng sử dụng nguyên sơ nên được thiết kế ở những vùng mà sự sử dụng của du khách được phát tán hơn. Nếu có thể thì có 2 nhóm chuẩn bị cho hệ thống phân vùng và sau đó so sánh kết quả để đi đến cái tốt nhất.



Bước 8: So sánh hệ thống phân vùng dự kiến của Bạn với hệ thống hiện có. Những thay đổi này có cần được thực hiện để đi đến hệ thống phân vùng nhất định không? Xem xét du khách tiếp cận như thế nào và hệ thống dự kiến của Bạn có liên kết sườn sẽ không. Trình bày hệ thống của Bạn với nhà quản lý và nhân viên của vùng. Họ có đồng ý không?

Bước 9: Phát triển hệ thống phân vùng cuối cùng. Mô tả mỗi vùng tiếp theo những định dạng được mô tả trong phần “các thuộc tính của việc phân vùng”. Bao gồm cả những thuộc tính về sinh-lý, xã hội, quản lý cho mỗi vùng; Những cái này sẽ hướng dẫn bạn xác định những hướng dẫn quản lý cho mỗi vùng.

Bước 10: Xác định quy chế và luật mà sẽ áp dụng cho mỗi vùng và điểm riêng. Năng lực quản lý của ban quản lý như thế nào? Họ có năng lực chưa hay chỉ có sau một vài năm nữa, có thể quản lý hiệu quả chương trình du lịch sinh thái phức tạp hoặc nên được giữ ở mức độ đơn giản?

Từ: Drumm, Andy. Alan Moore, Andrew Sales, Carol Patterson, and John E. Terborgh. Ecotourism Development: A Manual for Conservation Planners and Managers. Volume II. The Business of Ecotourism Development and Management. The Nature Conservancy, Arlington, Virginia, USA, 2004.